

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2018

CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN

CUỘC THI TRỰC TUYẾN “TÌM HIỂU PHÁP LUẬT NĂM 2018”

(Kèm theo Thông báo số 167/TB-BTCCT ngày 23/10/2018 của Ban Tổ chức Cuộc thi)

Ghi chú: Đáp án đúng của các câu hỏi là đáp án được in đậm.

I. BỘ CÂU HỎI PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Câu 1: Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào?

a) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực ngày 27/11/2016.

b) **Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.**

c) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 20/6/2015 và có hiệu lực ngày 01/01/2018.

d) Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực ngày 20/6/2017.

Câu 2: Cơ sở của trách nhiệm hình sự là gì?

a) **Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.**

b) Tất cả các hành vi được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

d) Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 3: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017?

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật.

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

c) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

d) Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Câu 4: Trong các nguyên tắc sau đây, nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017?

a) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế.

b) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra.

d) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình một cách thiện chí, trung thực.

Câu 5: Ai không có trách nhiệm trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015?

a) Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

b) Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

c) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

d) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Câu 6: Tội phạm là gì?

a) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự.

b) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

c) Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.

d) Tội phạm là người phạm tội và bị xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định.

Câu 7: Tội phạm được phân thành mấy loại?

a) **04 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.**

b) 03 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

c) 05 loại: Tội phạm rất ít nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

d) 02 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng.

Câu 8: Các hình phạt áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng như thế nào?

a) **Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.**

b) Phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm.

c) Phạt tù đến 03 năm.

d) Phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

Câu 9: Tội phạm nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là bao nhiêu năm tù?

a) Từ trên 02 năm tù đến 05 năm tù.

b) Từ 03 năm tù đến 07 năm tù.

c) **Từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù.**

d) Từ trên 03 năm tù đến 05 năm tù.

Câu 10: *Tội phạm rất nghiêm trọng có mức cao nhất của khung hình phạt là bao nhiêu năm tù?*

a) Từ trên 05 năm tù đến 7 năm tù.

b) Từ trên 07 năm tù đến 10 năm tù.

c) Từ 07 năm tù đến 15 năm tù.

d) Từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù.

Câu 11: *Khung hình phạt áp dụng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như thế nào?*

a) Từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù.

b) Từ trên 15 năm tù đến 30 năm tù, chung thân hoặc tử hình.

c) Từ 20 năm tù đến 30 năm tù.

d) Từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Câu 12: *Theo quy định của Bộ luật Hình sự, công dân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống tội phạm không?*

a) Không có trách nhiệm.

b) Trách nhiệm của cơ quan công an và tòa án.

c) Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

d) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

Câu 13: *Vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp nào sau đây?*

a) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó hoặc người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

b) Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng mặc kệ nó xảy ra vì nghĩ là do lỗi khách quan.

c) Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù đã được cảnh báo hậu quả đó có thể xảy ra.

d) Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Câu 14: *Người phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Chỉ chịu trách nhiệm về tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Chỉ chịu trách nhiệm về tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- d) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.**

Câu 15: *Thế nào là phạm tội chưa đạt?*

- a) Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.**
- b) Phạm tội chưa đạt là thực hiện tội phạm nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội nên không có kết quả.
- c) Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện phạm tội đến cùng nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn nên không đạt kết quả.
- d) Phạm tội chưa đạt người phạm tội cố ý thực hiện đến cùng nhưng do người khác cản trở nên không đạt kết quả.

Câu 16: *Phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Người phạm tội chưa đạt không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Người phạm tội chưa đạt chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.**
- d) Người phạm tội chưa đạt chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm;

Câu 17: *Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là gì?*

- a) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.**
- b) Tự ý nửa chừng là hành vi của người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng.
- c) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng vì có người ngăn cản.
- d) Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng do bị ngăn cản hoặc không thể thực hiện được.

Câu 18: *Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Được miễn trách nhiệm hình sự.
- c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn trách nhiệm hình sự nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác.
- d) Được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.**

Câu 19: *Đồng phạm là gì?*

- a) Đồng phạm là phạm tội có hai người trở lên.
- b) Đồng phạm là hai người cùng phạm một tội.
- c) Đồng phạm là nhiều người thực hiện phạm tội.
- d) Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.**

Câu 20: *Phạm tội có tổ chức là gì?*

- a) Là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.**
- b) Là hình thức nhiều người cùng thực hiện phạm tội.
- c) Là hình thức nhiều người cùng bàn bạc và cùng thực hiện.
- d) Là hình thức phạm tội do người khác chỉ đạo.

Câu 21: *Đồng phạm bao gồm những người nào?*

- a) Đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.**
- b) Đồng phạm bao gồm người chỉ đạo điều hành, người xúi giục, người biết sự việc.
- c) Đồng phạm bao gồm người đứng đầu nhóm tội phạm, người thực hành, người giúp sức.
- d) Đồng phạm bao gồm người giúp sức, người thực hành.

Câu 22: *Người đồng phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành không?*

- a) Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành, nếu không có hậu quả xảy ra.

b) Người đồng phạm chỉ chịu trách nhiệm hình sự do mình chỉ đạo người thực hành nếu có hậu quả xảy ra.

c) Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

d) Người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

Câu 23: *Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó (sự kiện bất ngờ) có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Phải chịu trách nhiệm hình sự.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ một số trường hợp khác.

Câu 24: *Phòng vệ chính đáng có phải là tội phạm không?*

a) Không phải là tội phạm.

b) Là tội phạm.

c) Không phải tội phạm, trừ một số trường hợp.

d) Là tội phạm khi gây hậu quả nghiêm trọng.

Câu 25: *Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hành vi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự khi hậu quả nghiêm trọng xảy ra.

d) Phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 26: *Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là gì?*

a) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không còn là tội phạm.

b) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội được xóa trách nhiệm hình sự.

d) Là hết thời gian do Bộ luật Hình sự quy định thì được miễn tội.

Câu 27: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 03 năm.
- b) 05 năm.**
- c) 07 năm.
- d) 04 năm.

Câu 28: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.**
- b) 05 năm.
- c) 12 năm.
- d) 08 năm.

Câu 29: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm rất nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.**
- c) 12 năm.
- d) 20 năm.

Câu 30: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.
- c) 20 năm.**
- d) 30 năm.

Câu 31: Mục đích của hình phạt để làm gì?

- a) Nhằm trừng trị những người phạm tội.
- b) Nhằm đảm bảo trật tự xã hội và trừng trị cá nhân, pháp nhân phạm tội.
- c) Nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội, giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới.
- d) Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của**

cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Câu 32: *Các hình phạt chính nào áp dụng đối với người phạm tội?*

a) Cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất; tù có thời hạn; chung thân; tử hình.

b) Cảnh cáo; phạt tiền; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.

c) Án treo; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.

d) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; chung thân; tử hình.

Câu 33: *Bộ luật Hình sự quy định mức phạt tiền thấp nhất là bao nhiêu?*

a) 1.000.000 đồng.

b) 1.500.000 đồng.

c) 2.000.000 đồng.

d) Bằng mức lương tối thiểu.

Câu 34: *Thời gian áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là bao lâu?*

a) Từ 03 tháng đến 02 năm.

b) Từ 06 tháng đến 03 năm.

c) Từ 01 năm đến 03 năm.

d) Từ 06 tháng đến 02 năm.

Câu 35: *Hình phạt trục xuất được áp dụng đối với người nào?*

a) Người nước ngoài phạm tội.

b) Người Việt Nam phạm tội.

c) Người Việt Nam và người nước ngoài phạm tội.

d) Đối với tất cả người phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam.

Câu 36: *Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối đa là bao nhiêu năm?*

a) **20 năm.**

b) 25 năm.

c) 30 năm.

d) 15 năm.

Câu 37: *Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là bao nhiêu?*

- a) **03 tháng.**
- b) 06 tháng.
- c) 09 tháng.
- d) 01 năm.

Câu 38: *Hình phạt tù chung thân được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp nào?*

- a) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.
- c) Tất cả các loại tội phạm nếu có nhiều tình tiết tăng nặng.
- d) **Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.**

Câu 39: *Hình phạt tù chung thân có áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không?*

- a) Có.
- b) **Không.**
- c) Áp dụng tùy trường hợp phạm tội.
- d) Có, trong trường hợp phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 40: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống là bao nhiêu năm?*

- a) 02 năm.
- b) 03 năm.
- c) 04 năm.
- d) **05 năm.**

Câu 41: *Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù từ trên 03 năm đến 15 năm là bao nhiêu năm?*

- a) 06 năm.
- b) 07 năm.
- c) **10 năm.**
- d) 15 năm.

Câu 42: Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm là bao nhiêu năm?

- a) 10 năm.
- b) 15 năm.**
- c) 20 năm.
- d) 25 năm.

Câu 43: Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án xử phạt tù chung thân hoặc tử hình là bao nhiêu năm?

- a) 15 năm.
- b) 20 năm.**
- c) 25 năm.
- d) 30 năm.

Câu 44: Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với loại tội phạm nào?

- a) Tội phạm giết người.
- b) Tội tham ô tài sản.
- c) Tội khủng bố, chống loài người.
- d) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh và một số tội khác do Bộ luật Hình sự quy định.**

Câu 45: Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt trong trường hợp nào?

- a) Chỉ trong trường hợp được đại xá.
- b) Chỉ trong trường hợp được đặc xá.
- c) Trường hợp bị ốm nặng.
- d) Trong trường hợp được đại xá hoặc đặc xá.**

Câu 46: Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không?

- a) Có.
- b) Không.
- c) Tùy từng trường hợp.
- d) Có, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.**

Câu 47: Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì có khấu trừ thu nhập của người đó không?

- a) Có.
- b) Không.**
- c) Tùy trường hợp.
- d) Trừ vào thu nhập của người giám hộ.

Câu 48: Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là bao nhiêu?

- a) Không quá 1/2 thời hạn mà điều luật quy định.**
- b) 1/3 thời hạn mà điều luật quy định.
- c) Không quá 2/3 thời hạn mà điều luật quy định.
- d) 1/4 thời hạn mà điều luật quy định.

Câu 49: Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức áp dụng cho đối tượng này là bao nhiêu năm?

- a) Cao nhất không quá 20 năm tù.
- b) Cao nhất không quá 15 năm tù.
- c) Cao nhất không quá 18 năm tù.**
- d) Cao nhất không quá 17 năm tù.

Câu 50: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm nào?

- a) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.
- c) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác.**
- d) Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự từ tội ít nghiêm trọng đến tội đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 51: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm nào?

- a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các loại tội phạm.
- c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.

d) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại một số điều của Bộ luật Hình sự.

Câu 52: *Người che giấu tội phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng và các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.

d) Chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật Hình sự quy định. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự.

Câu 53: *Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Không chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng và các tội phạm an ninh quốc gia.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Câu 54: *Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Phải chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp.
- c) **Không phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.**
- d) Phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp phạm tội.

Câu 55: *Người không tố giác tội phạm là người bào chữa có phải chịu trách nhiệm hình sự không?*

- a) Không chịu trách nhiệm hình sự.
- b) Chịu trách nhiệm hình sự.
- c) Chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm an ninh quốc gia.

d) Không phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

Câu 56: *Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các loại tội phạm nào sau đây?*

a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

b) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

c) Tội phạm giết người.

d) Tội mua bán người.

Câu 57: *Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ nào?*

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hoặc khi có quyết định đại xá.

b) Khi có đơn xin đặc xá.

c) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, cho rằng hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

d) Khi có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Câu 58: *Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào?*

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo.

c) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm.

d) Người phạm tội tích cực khắc phục hậu quả và có công hiến đặc biệt cho Nhà nước được xã hội thừa nhận.

Câu 59: *Các hình phạt bổ sung nào áp dụng đối với người phạm tội?*

a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

b) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

c) Tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

d) Tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền.

Câu 60: *Các hình phạt chính nào áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội?*

a) Phạt tiền.

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

d) Phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Câu 61: *Các hình phạt bổ sung nào áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội?*

a) Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

b) Cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

c) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Câu 62: *Hình phạt cảnh cáo được áp dụng đối với loại tội phạm nào?*

a) Tội phạm ít nghiêm trọng.

b) Người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

c) Người phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng.

d) Người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Câu 63: *Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các tội phạm trong trường hợp nào?*

a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật Hình sự quy định.

b) Tội phạm ma túy.

c) Tội tham ô tài sản.

d) Tội phạm liên quan đến tài sản.

Câu 64: *Cải tạo không giam giữ áp dụng trong trường hợp nào?*

a) Từ 03 tháng đến 02 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

b) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

c) Từ 01 năm đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

d) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định.

Câu 65: *Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người phạm tội trong trường hợp nào?*

a) Người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.

b) Người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng.

c) Người phạm tội do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.

d) Người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Câu 66: *Trường hợp nào sau đây không áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội, hãy lựa chọn đáp án sai?*

a) Người dưới 18 tuổi phạm tội.

b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Người từ đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.

d) Người tích cực lập công, chuộc tội.

Câu 67: *Trường hợp nào sau đây không thi hành án tử hình đối với người bị kết án, hãy lựa chọn đáp án sai?*

a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

b) Người đủ 75 tuổi trở lên.

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác

tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

d) Người bị bệnh.

Câu 68: *Biện pháp tư pháp nào không áp dụng đối với người phạm tội?*

- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- c) Bắt buộc chữa bệnh.

d) Khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Câu 69: *Biện pháp tư pháp nào không áp dụng đối với pháp nhân phạm tội?*

- a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- c) Khôi phục lại tình trạng ban đầu và thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

d) Bắt buộc chữa bệnh.

Câu 70: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

d) Phạm tội có tổ chức.

Câu 71: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra.
- b) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra.
- c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.

d) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

Câu 72: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
- b) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức.
- c) Phạm tội do lạc hậu.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

Câu 73: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội là phụ nữ có thai hoặc người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên.
- b) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.
- c) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

d) Phạm tội 02 lần trở lên.

Câu 74: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội tự thú hoặc người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- b) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.
- c) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.

d) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.

Câu 75: *Tình tiết nào sau đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.
- b) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.
- c) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

d) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng.

Câu 76: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

- a) Phạm tội có tổ chức hoặc phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.
- c) Phạm tội có tính chất côn đồ hoặc phạm tội vì động cơ đê hèn.

d) Phạm tội do lạc hậu.

Câu 77: *Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?*

a) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên.

b) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

c) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác.

d) Người phạm tội là phụ nữ có thai.

Câu 78: Thời hiệu thi hành bản án hình sự là gì?

a) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án xem như không phạm tội.

b) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án được miễn chấp hành.

c) Là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

d) Là khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

Câu 79: Người đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn không?

a) Có thể tha tù trước thời hạn khi có ý thức cải tạo tốt.

b) Có thể tha tù trước thời hạn khi có nơi cư trú rõ ràng và đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và án phí.

c) Không.

d) Có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Bộ luật Hình sự.

Câu 80: Trường hợp nào sau đây thì người bị xử phạt tù không được hoãn chấp hành hình phạt?

a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục.

b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi.

c) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.

d) Là người lao động duy nhất trong gia đình phạm tội bạo loạn.

Câu 81: Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?

a) Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

b) Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

c) Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 82: *Xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội có áp dụng hình phạt bổ sung không?*

a) Có.

b) Không.

c) Tùy trường hợp cụ thể.

d) Có, khi người phạm tội có tài sản riêng.

Câu 83: *Các hình phạt nào được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?*

a) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn.

b) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; tù có thời hạn; tù chung thân.

c) Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân.

d) Cảnh cáo; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn.

Câu 84: *Hình phạt cải tạo không giam giữ có thể không áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp loại tội phạm nào?*

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý.

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng.

c) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

d) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cố ý phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 85: *Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là bao nhiêu?*

a) Không quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.

- b) Không quá 1/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- c) Không quá 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- d) Không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.**

Câu 86: *Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt áp dụng cho đối tượng này là bao nhiêu năm tù?*

- a) Cao nhất không quá 10 năm tù.
- b) Cao nhất không quá 12 năm tù.**
- c) Cao nhất không quá 15 năm tù.
- d) Cao nhất không quá 18 năm tù.

Câu 87: *Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là bao nhiêu?*

- a) Không quá 1/2 mức phạt tù mà điều luật quy định.**
- b) Không quá 1/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- c) Không quá 2/3 mức phạt tù mà điều luật quy định.
- d) Không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định.

Câu 88: *Pháp nhân thương mại bị tòa án quyết định cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định trong thời gian bao nhiêu năm?*

- a) Từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
- b) Từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.**
- c) Từ 01 đến 04 năm.
- d) Từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Câu 89: *Thời hạn đình chỉ hoạt động của pháp nhân thương mại là bao nhiêu?*

- a) Từ 03 tháng đến 03 năm.
- b) Từ 06 tháng đến 03 năm.**
- c) Từ 06 tháng đến 02 năm.
- d) Từ 01 năm đến 03 năm.

Câu 90: *Pháp nhân thương mại phạm tội có bị đình chỉ vĩnh viễn không?*

- a) Có.
- b) Không.
- c) Tùy trường hợp.

d) Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

Câu 91: *Pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt không?*

a) Không.

b) Có.

c) Tùy trường hợp.

d) Có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Câu 92: *Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích không?*

a) Không.

b) Có.

c) Tùy vào mức độ phạm tội của pháp nhân.

d) Có, nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.

Câu 93: *Các tội nào sau đây không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hãy lựa chọn đáp án sai.*

a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

b) Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

c) Tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật này; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

d) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.

Câu 94: *Trường hợp người môi giới hối lộ chủ động khai báo trước pháp luật trước khi hành vi phạm tội được phát hiện, thì có thể được?*

a) Coi là không có tội.

b) Miễn trách nhiệm hình sự.

c) Hưởng án treo.

d) Giảm nhẹ hình phạt.

Câu 95: *Tội tổ chức đua xe trái phép chỉ bị coi là tội phạm khi có kèm theo các dấu hiệu nào sau đây?*

- a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.
- b) Đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích.
- c) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này và đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích.
- d) Không cần dấu hiệu nào.**

Câu 96: *Tội tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, cấu thành tội phạm khi khối lượng hêrôin, côcain từ đủ?*

- a) 0,01 gam.
- b) 0,1 gam.**
- c) 01 gam.
- d) 0,5 gam.

Câu 97: *Người nào sau đây không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định của Bộ luật Hình sự?*

- a) Anh chị em ruột, cha, mẹ.**
- b) Anh chị em ruột, cô, dì, chú, bác.
- c) Cô, dì, chú, bác.
- d) Người có quan hệ họ hàng.

Câu 98: *Đứa trẻ sinh ra trong vòng bao nhiêu ngày tuổi là con mới đẻ theo quy định trong tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ?*

- a) 05 ngày tuổi.
- b) 07 ngày tuổi.**
- c) 10 ngày tuổi.
- d) 15 ngày tuổi.

Câu 99: *Mức hình phạt cao nhất đối với tội cướp tài sản?*

- a) Tử hình.
- b) Chung thân.**
- c) 20 năm tù.
- d) 15 năm tù.

Câu 100: *A và B chưa có tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. A và B cá độ trận đấu đá bóng thắng - thua bao nhiêu tiền thì bị xử lý hình sự?*

- a) Từ 1 triệu đến dưới 2 triệu.
- b) Từ 2 triệu đến dưới 5 triệu.
- c) Từ 5 triệu đồng trở lên.**
- d) Từ 3 triệu đồng đến 05 triệu đồng.

Câu 101: *Buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu từ bao nhiêu gói sẽ bị xử lý hình sự?*

- a) 500 gói.
- b) 1.000 gói.
- c) 1.500 gói.**
- d) 2.000 gói.

Câu 102: *Một người đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản thì có thể phạm vào tội nào sau đây?*

- a) Tội cướp tài sản.
- b) Tội cưỡng đoạt tài sản.
- c) Tội cướp giật tài sản.
- d) Tội cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản.**

Câu 103: *Trường hợp một người giả danh cán bộ thuế để lừa một người buôn lậu ra chỗ vắng rồi lợi dụng sơ hở giật hàng bỏ chạy thì phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội cướp giật tài sản**
- c) Tội giả mạo chức vụ cấp bậc.
- d) Không phạm tội.

Câu 104: *A là cảnh sát hình sự, B đánh người gây thương tích. A nói với B là sẽ giúp B không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, B nghĩ A là cảnh sát hình sự nên sẽ giúp được mình và đã đưa cho A số tiền 50 triệu đồng. Nhưng thực tế A không trực tiếp điều tra vụ án của B và cũng không giúp B như đã nói. Hỏi A phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.
- c) Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.**
- d) Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Câu 105: *Trường hợp dùng vũ lực tấn công phụ nữ với ý định hiếp dâm nhưng bị chống cự quyết liệt nên đã giật dây chuyền bỏ chạy thì phạm tội gì?*

- a) Tội hiếp dâm.
- b) Tội cướp giật tài sản.
- c) Tội hiếp dâm và cướp giật tài sản.**
- d) Tội cướp tài sản.

Câu 106: *Trường hợp đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng vì người bị đe dọa không trao tài sản nên người phạm tội đã thực hiện lời đe dọa giết người thì phạm tội gì?*

- a) Tội cưỡng đoạt tài sản.
- b) Tội cướp tài sản.**
- c) Tội giết người, cướp tài sản.
- d) Tội giết người.

Câu 107: *Trường hợp dùng sừng tê giác giả để bán thì phạm tội gì?*

- a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.**
- b) Tội lừa dối khách hàng.
- c) Tội buôn bán hàng giả.
- d) Tội kinh doanh trái phép.

Câu 108: *N 25 tuổi bị bệnh tâm thần bẩm sinh. Một lần ra đường, N đã bị chị M – người cùng xóm chọc ghẹo dẫn đến xô xát. Theo kết quả giám định y khoa, N đã gây tổn hại sức khỏe cho chị M hơn 40%. Hành vi của N thuộc trường hợp nào sau đây ?*

- a) Chỉ chịu trách nhiệm dân sự (bồi thường tiền thuốc)
- b) Không phải chịu trách nhiệm hình sự.**
- c) Chịu trách nhiệm hình sự theo quy định.
- d) Chỉ chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 109: *Dùng tiền dụ dỗ trẻ em 15 tuổi là người nghiện ma túy để được giao cấu thì phạm tội gì?*

- a) Tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.**
- b) Tội cưỡng dâm người chưa thành niên.
- c) Tội giao cấu với trẻ em.
- d) Tội cưỡng dâm.

Câu 110: *Phá khóa nhà, dọn đồ vào ở khi chủ vắng nhà thì phạm tội gì?*

a) Tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

b) Tội trộm cắp tài sản.

c) Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở.

d) Tội sử dụng trái phép tài sản.

Câu 111: *A mua súng K54 cất giấu trong nhà, ý đồ khi có cơ hội sẽ sử dụng để cướp tài sản thì phạm tội gì?*

a) Tội mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng.

b) Tội cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị.

c) Tội mua bán, tàng trữ vũ khí quân dụng và cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị.

d) Tội cướp tài sản.

Câu 112: *Đóng giả Công an chặn kiểm tra đối tượng vận chuyển ma túy, làm người này đưa tiền và nộp số ma túy đang vận chuyển để được tha thì phạm tội gì?*

a) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giả mạo chức vụ cấp bậc.

b) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và chiếm đoạt chất ma túy.

c) Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

d) Tội chiếm đoạt chất ma túy.

Câu 113: *Điều tra viên nhận tiền hoặc lợi ích vật chất để làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phạm tội gì?*

a) Tội nhận hối lộ.

b) Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

c) Tội nhận hối lộ và tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

d) Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Câu 114: *Người có chức vụ quyền hạn, đã nhận tiền để không truy cứu trách nhiệm hình sự người đưa tiền thì phạm tội gì?*

a) Tội nhận hối lộ.

b) Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

c) Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

d) Tội nhận hối lộ và không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.

Câu 115: *Trưởng Công an thường thả người thân bị bắt do phạm tội quả tang thì phạm tội gì?*

- a) Tội lạm dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ.
- b) Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội.
- c) **Tội tha trái pháp luật người bị bắt.**
- d) Tội che giấu tội phạm.

Câu 116: *A thuê B là tài xế lái xe taxi chở cho mình gần 400 gam heroin theo giá thỏa thuận và B đã đồng ý. Hỏi B có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gì?*

- a) **Tội vận chuyển trái phép chất ma túy.**
- b) Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.
- c) Tội mua bán trái phép chất ma túy.
- d) Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Câu 117: *Công dân dẫn giải người phạm tội quả tang đã nhận tiền của người phạm pháp để thả cho người đó bỏ trốn thì phạm tội gì?*

- a) Tội lạm dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ.
- b) Tội tha trái pháp luật người bị bắt.
- c) **Tội che giấu tội phạm.**
- d) Tội nhận hối lộ.

Câu 118: *A đang sửa điện trên cây cột điện, B đi ngang qua thấy xe A để sát cây cột điện nên lấy xe của A, A thấy vậy nhưng không làm gì được. Hỏi B phạm tội gì?*

- a) **Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.**
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 119: *C lên vào nhà M lấy xe máy. Dắt xe ra đến cổng thì bị M phát hiện, C lấy dao ra chống trả M và lấy được chiếc xe. Hỏi C phạm tội gì?*

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) **Tội cướp tài sản.**
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 120: A đeo dây chuyền vàng điều khiển xe lưu thông trên đường thì bị B chạy xe áp sát và giật dây chuyền của A. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.**

Câu 121: Trên đường đi chơi về B thấy chị A say rượu nằm ngủ trên vỉa hè. Thấy chị A đeo nhiều nữ trang bằng vàng, B lấy đi toàn bộ tài sản trị giá trên 07 triệu đồng. Khi chị A thức dậy mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an. Hỏi B phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.**
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.

Câu 122: Chị A đi xe máy thăm người quen, dọc đường xe bị hỏng máy. Đang loay hoay khởi động lại xe thì thấy H đi qua. Chị A nhờ H giúp sửa chữa xe máy. Sau một hồi sửa chữa H ngồi lên yên, khởi động xe và phóng xe đi mất. Hỏi H phạm tội gì?

- a) Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.
- b) Tội trộm cắp tài sản.
- c) Tội cướp tài sản.
- d) Tội cướp giật tài sản.**

Câu 123: Người mẹ tên T do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu nên đã giết con gái do chính mình sinh ra mới được 10 ngày tuổi. Hỏi T phạm tội gì?

- a) Tội giết người.**
- b) Tội giết con mới đẻ.
- c) Không có tội.
- d) Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Câu 124: A có tâm sự với B về việc có mâu thuẫn và hận thù rất lớn với C; và A muốn chém C để trả thù. Sau đó, B đã dùng xe mô tô của mình chở A đến nhà trọ của C và đứng chờ ở ngoài. A vào phòng trọ dùng dao chém C nhiều nhát làm C chết trên đường đi cấp cứu. Sau đó B chở A về nhà và B cũng về nhà mình ngủ. Hỏi: B có phạm tội không?

- a) B không phạm tội.
- b) B phạm tội giết người.**
- c) B phạm tội cố ý gây thương tích.
- d) B là người có liên quan.

Câu 125: Do nhà V thường xuyên bị chuột ăn gà, nên V dùng dây điện hở quấn xung quanh chuồng gà để diệt chuột. Tối ngày 01/6/2017, V cắm đoạn dây điện quấn xung quanh chuồng gà vào nguồn điện chính trong nhà. Do chuồng gà nhà V kín, ở sâu trong hàng rào nên V nghĩ sẽ không có ai đến khu vực chuồng gà nên V vào nhà đi ngủ. Tối hôm đó, X là hàng xóm của V sang trộm gà của V và vướng vào dây điện do V quấn xung quanh chuồng gà và bị điện giật chết. Sáng hôm sau thức dậy, V thấy có người chết nên rút điện và báo chính quyền địa phương. Hỏi V có phạm tội không?

- a) Phạm tội giết người.
- b) Phạm tội vô ý làm chết người.**
- c) Phạm tội cố ý gây thương tích.
- d) Phạm tội giết người trong khi thi hành công vụ.

Câu 126: N 19 tuổi và M 12 tuổi có quan hệ yêu đương. Ngày 01/6/2018, N rủ M vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được M đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với M thì bị người nhà M phát hiện và tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, N có phạm tội không?

- a) N không phạm tội.
- b) N phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) N phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.**
- d) N phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 127: V, 23 tuổi và T, 15 tuổi. V và T có quan hệ yêu đương. Ngày 01/6/2018 V rủ T vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục và được T đồng ý. Sau khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với T thì bị người nhà T phát hiện và tố cáo lên cơ quan Công an. Hỏi, T có phạm tội không?

- a) T không phạm tội.
- b) T phạm tội dâm ô người dưới 16 tuổi.
- c) T phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.
- d) T phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.**

Câu 128: A nợ B số tiền 60 triệu đồng. Ngày 25/5/2018, B dẫn theo một số đối tượng đến nhà A để đòi nợ. A không có tiền trả nên B chỉ đạo một số đối tượng đi

theo bắt, trói và dẫn A lên xe ô tô chở về nhà mình để tạo áp lực cho gia đình A trả nợ. B có phạm tội không?

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.

c) Phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

d) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật và tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

Câu 129: C nợ D số tiền 60 triệu đồng. Giấy vay nợ thể hiện C cầm cố tài sản là căn nhà gia đình C đang ở. Ngày 25/5/2018, D dẫn theo một số đối tượng đến nhà C để đòi nợ. C không có tiền trả nên D chỉ đạo một số đối tượng đi theo lục tìm các tài sản có giá trị và đuổi gia đình C ra ngoài. D có phạm tội không?

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội bắt giữ người trái pháp luật.

c) Phạm tội xâm phạm chỗ ở của người khác.

d) Phạm tội cướp tài sản.

Câu 130: Do có mâu thuẫn từ trước, H nhiều lần dọa sẽ giết Q. Ngày 18/01/2018, H có hành vi dùng tuýp sắt đánh nhiều nhát vào đầu Q gây thương tích 60%. Hỏi H phạm tội gì?

a) Không phạm tội.

b) Tội giết người.

c) Tội cố ý gây thương tích.

d) Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Câu 131: B chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội trồng cây cần sa, đã liên hệ mua được 400 cây giống cần sa về trồng sau hè nhà của B. Sau đó bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ. Hỏi B có phạm tội không?

a) Không phạm tội, chỉ bị xử lý hành chính về hành vi trên.

b) Phạm tội trồng cây cần sa quy định tại điều 247 Bộ luật Hình sự.

c) Phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.

d) Phạm tội trồng cây cần sa quy định tại điều 247 Bộ luật Hình sự và phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Câu 132: B rủ các đối tượng N, S, H, V tới nhà mình để sử dụng chất ma túy đá do B mua được trước đó. Sau khi sử dụng N có biểu hiện ngáo đá và dùng dao đâm chết S. Hỏi B phạm tội gì?

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

c) Phạm tội giết người.

d) Phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội giết người.

Câu 133: P là chủ nhà nghỉ. Lúc 21h có 02 đối tượng đến thuê 01 phòng để ở qua đêm. P đã làm các thủ tục theo quy định về cho thuê lưu trú. Lúc 22h công an kiểm tra nhà nghỉ phát hiện 02 đối tượng trên có hành vi sử dụng ma túy đá trong phòng. P không biết 02 đối tượng trên thuê phòng để sử dụng ma túy. Hỏi P có phạm tội không?

a) Không phạm tội.

b) Không vi phạm.

c) Phạm tội tổ chức sử dụng ma túy.

d) Phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Câu 134: T đã có giấy phép lái xe mô tô. Ngày 02/5/2018, bà H là mẹ của T nói T lấy xe mô tô chở bà đi công việc. Trên đường đi, T không làm chủ được tốc độ tông vào cột điện bên đường. Hậu quả làm bà H chết trên đường đi cấp cứu. Hỏi T có phạm tội không?

a) Không phạm tội.

b) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

c) Phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

d) Phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và Phạm tội giao xe cho người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông.

Câu 135: A chưa có tiền án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính về tội đánh bạc. B có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. A và B cá độ trận đấu đá bóng thắng - thua 3 triệu đồng. A và B bị xử lý như thế nào?

a) A và B bị xử lý hình sự.

b) A bị xử phạt vi phạm hành chính. B bị xử lý hình sự.

c) A bị xử lý hình sự. B bị xử phạt vi phạm hành chính.

d) A và B bị xử phạt vi phạm hành chính.

Câu 136: Mua hàng được vận chuyển từ nước ngoài về mà biết rõ là hàng nhập lậu để bán thì phạm tội gì?

a) Phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

b) Phạm tội buôn bán hàng cấm.

c) Phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội buôn bán hàng cấm.

d) Phạm tội buôn lậu.

Câu 137: *Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 gói trở lên thì bị xử lý hình sự với tội danh gì?*

a) Tội buôn lậu.

b) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm.

c) Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

d) Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm.

Câu 138: *Người nào tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ thì phạm tội gì?*

a) Không phạm tội.

b) Tội giết người.

c) Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.

d) Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Câu 139: *Hình phạt cao nhất đối với tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi là gì?*

a) Phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

b) Từ 20 năm đến 50 năm.

c) Chung thân.

d) Tử hình.

Câu 140: *Người phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?*

a) Có tính chất chuyên nghiệp và thu lợi bất chính từ 300 triệu đồng trở lên.

b) Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.

c) Thu lợi bất chính từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng.

d) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

Câu 141: *B là bạn của H. Ngày 25/5/2018, B mượn xe mô tô của H để đi công việc, nhưng sau đó B đem bán được 03 triệu đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau nhiều lần H gọi hỏi yêu cầu trả lại xe mô tô nhưng B không trả và bỏ trốn. Hỏi B phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.**
- c) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- d) Phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Câu 142: *N (20 tuổi) không biết D mới 15 tuổi nên đã thực hiện hành vi mua dâm với D. Hỏi N phạm tội gì?*

- a) Không phạm tội.
- b) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- c) Phạm tội mua dâm người dưới 18 tuổi.**
- d) Phạm tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

Câu 143: *Trồng bao nhiêu cây cần sa trở lên thì bị xử lý hình sự?*

- a) 200 cây.
- b) 300 cây.
- c) 400 cây
- d) 500 cây.**

Câu 144: *Công dân Việt Nam cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì phạm tội gì?*

- a) Phạm tội phản bội Tổ quốc.**
- b) Phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.
- c) Phạm tội gián điệp.
- d) Phạm tội xâm phạm an ninh lãnh thổ.

Câu 145: *B phạm tội trên máy bay Việt Nam đang bay trên không phận của nước Nga. Hỏi: B có bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam hay không?*

- a) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.**
- b) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- c) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định.
- d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của nước Nga.

Câu 146: *Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay lãi suất cao, thu lợi bất chính từ 30 triệu trở lên sẽ bị xử lý hình sự tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nếu?*

a) Lãi suất gấp 04 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

b) Lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

c) Lãi suất gấp 06 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

d) Lãi suất gấp 07 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Câu 147: *L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên của L và bán cho T và chiếm đoạt số tiền 500 triệu đồng. Hỏi L phạm tội gì?*

a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyên nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác.

c) Phạm tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức.

d) Phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Câu 148: *Cây xăng do N làm chủ đã sử dụng chip điện tử để làm giảm số lượng xăng bơm bán cho khách hàng, thu lợi bất chính. Hỏi N phạm tội gì?*

a) Phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

b) Phạm tội lừa dối khách hàng.

c) Phạm tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

d) Không phạm tội.

Câu 149: *H sử dụng ma túy đá, sau đó bị ảo giác tưởng N muốn giết mình nên đã có hành vi dùng dao đâm N chết tại chỗ. Hỏi H có phạm tội không?*

a) Không phạm tội vì H đang bị ảo giác.

b) H phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

c) H phạm tội giết người.

d) H phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Câu 150: *A có ý định dùng dao tấn công để cướp tài sản của chị M. Nên A đã dùng dao đe dọa chị M. Nhưng A thấy chị M xinh đẹp nên đã thực hiện hành vi ép chị M quan hệ tình dục ngoài ý muốn. Sau đó, A bỏ trốn. Hỏi A phạm tội gì?*

- a) Phạm tội cướp tài sản.
- b) Phạm tội hiếp dâm.**
- c) Phạm tội cướp tài sản và tội hiếp dâm.
- d) Phạm tội cưỡng dâm.

BỘ CÂU HỎI PHÁP LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Câu 1: Trong khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép (biển hạn chế tốc độ), xe chở người đến 30 chỗ được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.
- c) 60 km/h.**
- d) 70 km/h.

Câu 2: Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô và máy kéo có được đi vào đường cao tốc không?

- a) Không được đi vào, trừ phương tiện, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.**
- b) Được đi vào như xe cơ giới khác.
- c) Được đi vào trên làn đường ngoài cùng.
- d) Chỉ được đi vào lúc ban ngày.

Câu 3: Xe ô tô đang chạy trên đường thì những người ngồi ở vị trí nào trên xe phải thắt dây an toàn?

- a) Người lái xe.
- b) Người ngồi ghế trước cạnh lái xe.
- c) Tất cả các vị trí có trang bị dây an toàn.**
- d) Ghế người lái xe; người ngồi ghế trước cạnh lái xe và ghế dành cho trẻ em.

Câu 4: Ngoài khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép (biển hạn chế tốc độ), xe ô tô buýt được chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 50 km/h.
- b) 60 km/h.**
- c) 70 km/h.
- d) 80 km/h.

Câu 5: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.113 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.113

- a) Biển báo “Cấm xe đạp”.
- b) Biển báo “Cấm kéo xe”.
- c) **Biển báo “Cấm xe người kéo, đẩy”.**
- d) Biển báo “Cấm xe đẩy xây dựng”.

Câu 6: *Khi đến giao lộ, trong trường hợp gặp tín hiệu đèn vàng nhấp nháy người điều khiển xe phải làm gì?*

- a) Được đi thẳng.
- b) **Được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.**
- c) Dừng lại chờ đèn chuyển sang màu xanh.
- d) Quay đầu xe lại.

Câu 7: *Tại nơi có biển báo hiệu cố định lại có báo hiệu tạm thời, người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh nào?*

- a) Biển báo hiệu cố định.
- b) **Báo hiệu tạm thời.**
- c) Chấp hành cả hai báo hiệu.
- d) Không phải chấp hành biển nào.

Câu 8: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.124a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.124a

- a) Biển báo “Cấm quay đầu xe”.
- b) Biển báo “Đường cụt phía trước”.
- c) Biển báo “Đường đi vòng theo chữ U”.
- d) Biển báo “Phía trước là đường một chiều”.

Câu 9: *Vạch kẻ đường là gì?*

- a) Là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.
- b) Chỉ cho người lái xe biết đang đi trên đường cao tốc.
- c) Chỉ cho người lái xe biết đang đi trên quốc lộ.
- d) Báo hiệu sắp đến đoạn đường cụt.

Câu 10: *Khi vừa có người điều khiển giao thông, lại có biển báo hiệu cố định và biển báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh nào?*

- a) Chấp hành báo hiệu cố định.
- b) Chấp hành báo hiệu tạm thời.
- c) Chấp hành cả hiệu lệnh của người điều khiển giao thông và báo hiệu tạm thời.
- d) **Chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.**

Câu 11: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.123a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.123a

- a) Biển báo “Hướng đi phải theo”.
- b) Biển báo “Các xe chỉ được rẽ trái”.
- c) **Biển báo “Cấm rẽ trái”.**
- d) Biển báo “Đi vòng qua chướng ngại vật”.

Câu 12: *Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, gặp người đi bộ và xe lăn của người khuyết tật đang qua đường, người điều khiển phương tiện phải xử trí thế nào?*

a) Bấm còi hoặc nhấp nháy đèn báo hiệu để khẩn trương đi qua.

b) Lưu thông bình thường.

c) Phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

d) Chỉ phải nhường đường cho xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Câu 13: *Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì người điều khiển phương tiện có phải nhường đường không?*

a) Không có vạch kẻ đường nên cứ đi bình thường.

b) Bấm còi báo hiệu để người đi bộ, xe lăn dừng lại nhường đường cho xe cơ giới đi trước.

c) Phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

d) Chỉ nhường cho người khuyết tật.

Câu 14: *Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?*

a) 50 km/h.

b) 60 km/h.

c) 70 km/h.

d) 80 km/h.

Câu 15: *Muốn chuyển làn đường an toàn, người điều khiển xe phải làm gì?*

a) Chỉ cần mở tín hiệu rồi chuyển làn.

b) Chỉ cần nhìn gương chiếu hậu rồi chuyển làn.

c) Có tín hiệu báo trước và phải bảo đảm an toàn.

d) Cứ chuyển làn bình thường, các xe chạy phía sau phải nhường đường.

Câu 16: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.208 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.208

- a) Biển báo "Nguy hiểm khác".
- b) Biển báo "Chú ý đỗ xe".
- c) Biển báo "Giao nhau với đường ưu tiên".**
- d) Biển báo "Gần đến khu vực có cháy rừng".

Câu 17: *Trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường, xe thô sơ lưu thông như thế nào cho đúng luật?*

- a) Đi trên làn ngoài cùng.
- b) Đi trên làn chung với xe mô tô, xe gắn máy.
- c) Phải đi trên làn đường bên phải trong cùng.**
- d) Đi trên vỉa hè.

Câu 18: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.230 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.230

- a) Biển báo "Đường dành cho gia súc".
- b) Biển báo "Gia súc".**
- c) Biển báo "Trại chăn nuôi".
- d) Biển báo "Thú rừng".

Câu 19: *Trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ xe xin vượt sử dụng báo hiệu nào để xin vượt?*

- a) Chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.**
- b) Phải có báo hiệu vừa bằng đèn và còi.

- c) Được báo hiệu xin vượt bằng còi.
- d) Không báo hiệu mà cản đường vắng để vượt.

Câu 20: Xe kéo rơ moóc có được kéo theo xe khác bị hư hỏng không?

- a) Được kéo theo tối đa một xe ô tô.
- b) Được kéo theo tối đa hai xe ô tô.
- c) Chỉ được kéo theo xe mô tô, xe gắn máy.
- d) Không được kéo theo xe khác.**

Câu 21: Trong khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép xe ô tô con được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.
- c) 60 km/h.**
- d) 70 km/h.

Câu 22: Trong khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, các loại phương tiện cơ giới được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.**
- c) 60 km/h.
- d) 70 km/h.

Câu 23: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.117 dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.117

- a) Biển báo “Hạn chế chiều dài xe”.
- b) Biển báo “Cửa chui”.
- c) Biển báo “Chiều cao đường hầm”.
- d) Biển báo “Hạn chế chiều cao”.**

Câu 24: Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải làm gì?

- a) Giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.
- b) Quan sát gương chiếu hậu nếu không có xe đi tới thì chuyển hướng.
- c) Chỉ rẽ trái mới quan sát có tín hiệu báo chuyển hướng.
- d) Rẽ phải không cần mở tín hiệu.

Câu 25: Trong khi chuyển hướng, người lái xe cơ giới có phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ đang đi trên phần đường dành riêng cho họ không?

- a) Phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ đang đi trên phần đường dành riêng cho họ.
- b) Không phải nhường đường vì người đi bộ phải nhường đường cho xe cơ giới.
- c) Bấm còi để người đi bộ tránh sang một bên để bảo đảm an toàn.
- d) Không được bấm còi mà chỉ được rờ ga báo hiệu cho người đi bộ biết để tránh.

Câu 26: Người đủ tuổi nào dưới đây được lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi?

- a) Đủ 25 tuổi.
- b) Đủ 26 tuổi.
- c) Đủ 27 tuổi.
- d) Đủ 28 tuổi.

Câu 27: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô kéo rơ moóc được chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 50 km/h.
- b) 60 km/h.
- c) 70 km/h.
- d) 80 km/h.

Câu 28: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.112 dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.112

- a) Biển báo “Cấm người chạy bộ”.
- b) Biển báo “Cấm người đi bộ”.**
- c) Biển báo “Cấm người đi bộ qua đường”.
- d) Biển báo “Cấm trẻ em”.

Câu 29: Ở đoạn đường có đặt biển báo cấm dừng xe và trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường người điều khiển có được lùi xe không?

- a) Vẫn lùi xe bình thường.
- b) Được lùi xe nhưng phải quan sát sau xe.
- c) Không được lùi xe.**
- d) Chỉ được lùi xe vào ban ngày từ 6 giờ 00 đến 17 giờ 00.

Câu 30: Một xe ô tô được kéo theo máy xe ô tô và xe máy chuyên dùng khác?

- a) Một xe ô tô chỉ được kéo theo một xe ô tô hoặc xe máy chuyên dùng khác khi xe này không tự chạy được.**
- b) Tối đa hai xe ô tô khi cả hai xe này không tự chạy được.
- c) Hai xe ô tô con khi hai xe này không tự chạy được.
- d) Một xe mô tô hoặc xe gắn máy bị chết máy.

Câu 31: Khi hai xe cơ giới đi ngược chiều tránh nhau vào ban đêm cấm sử dụng đèn gì?

- a) Đèn chiếu gần và đèn sương mù.
- b) Đèn chiếu xa.**
- c) Đèn chiếu gần.
- d) Đèn sương mù.

Câu 32: Trên đường bộ ngoài khu đông dân cư người điều khiển phương tiện có được dừng xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường không?

- a) Ở ngoài khu đông dân cư, vắng người nên được phép dừng.
- b) Không được phép dừng.**
- c) Được dừng trên một nửa phần đường dành cho người đi bộ qua đường.
- d) Được dừng không quá 5 phút.

Câu 33: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.102 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.102

- a) **Biển báo “Cấm đi ngược chiều”.**
- b) Biển báo “Đường cấm”.
- c) Biển báo “Dừng lại”.
- d) Biển báo “Hãm chui”.

Câu 34: *Trên đường bộ ngoài khu đông dân cư trong phạm vi 5 mét tính từ mép đường giao nhau, người điều khiển phương tiện có được phép dừng xe, đỗ xe không?*

- a) Được phép dừng xe, đỗ xe vì không phải nơi đường giao nhau.
- b) Không được phép dừng xe, đỗ xe.**
- c) Chỉ được phép dừng xe, không được đỗ xe.
- d) Được đỗ xe không quá 10 phút.

Câu 35: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.225 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.225

- a) Biển báo “Trường học”.
- b) Biển báo “Công viên”.
- c) Biển báo “Đường dành riêng cho trẻ em”.
- d) Biển báo “Trẻ em”.**

Câu 36: *Quy định tuổi tối đa đối với nam lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi là bao nhiêu?*

- a) 50 tuổi.

b) 55 tuổi.

c) 60 tuổi.

d) 65 tuổi.

Câu 37: Trên đường phố người điều khiển phương tiện dừng xe, đỗ xe sao cho bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá bao nhiêu mét?

a) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét.

b) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,30 mét.

c) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,35 mét.

d) Bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,40 mét.

Câu 38: Trên đường bộ tại vị trí có báo hiệu nơi dừng đón trả khách của xe buýt thì người lái xe có được phép dừng xe, đỗ xe không?

a) Được dừng xe, đỗ xe trên một phần diện tích nơi dừng của xe buýt.

b) Được dừng xe, không được đỗ xe.

c) Được dừng xe và đỗ xe không quá 5 phút.

d) Không được dừng xe, đỗ xe.

Câu 39: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.201a dưới đây là biển báo gì?



Biển số W.201a

a) Biển báo “Đường cụt”.

b) Biển báo “Xuống phà”.

c) **Biển báo “Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái”.**

d) Biển báo “Đường dẫn vào gara”.

Câu 40: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác được chạy tối đa bao nhiêu km/h?

a) 40 km/h.

b) **50 km/h.**

c) 60 km/h.

d) 70 km/h.

Câu 41: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.106a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.106a

- a) Biển báo “Cấm xe máy kéo”.
- b) Biển báo “Cấm xe ô tô tải”.**
- c) Biển báo “Cấm xe chuyên dùng”.
- d) Biển báo “Cấm xe chở hàng nguy hiểm”.

Câu 42: *Khi có tín hiệu của xe được quyền ưu tiên, người tham gia giao thông phải thực hiện như thế nào?*

- a) Vẫn đi lại bình thường.
- b) Nhanh chóng giảm tốc độ; tránh hoặc dừng lại sát lề đường bên phải để nhường đường; không được gây cản trở xe được quyền ưu tiên.**
- c) Chỉ những xe đi cùng chiều mới phải dừng lại nhường đường.
- d) Chỉ những xe ô tô, xe máy chuyên dùng mới phải nhường đường.

Câu 43: *Người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông có được sử dụng dù (ô) không?*

- a) Được sử dụng.
- b) Được sử dụng khi trời mưa.
- c) Không được sử dụng khi đi trên quốc lộ.
- d) Không được sử dụng.**

Câu 44: *Trong khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?*

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.**
- c) 60 km/h.
- d) 70 km/h.

Câu 45: *Tại nơi đường giao nhau đồng quyền, không có báo hiệu đi theo vòng xuyên, các phương tiện phải lưu thông theo quy tắc nào cho an toàn?*

- a) Xe hai bánh phải nhường đường cho xe ô tô đi trước.
- b) Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái.
- c) Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải.**
- d) Xe chạy chậm phải nhường đường cho xe chạy nhanh hơn.

Câu 46: *Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì các xe đi theo thứ tự như thế nào?*

- a) Xe nhỏ phải nhường đường cho xe lớn đi trước.
- b) Xe nào đến từ phía tay phải được đi trước.
- c) Xe nào đến từ phía tay trái được đi trước.
- d) Xe trên đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.**

Câu 47: *Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên, các xe đi chuyển theo quy tắc nào?*

- a) Xe nhỏ phải nhường đường cho xe lớn đi trước.
- b) Phải nhường đường cho xe đi bên phải.
- c) Phải nhường đường cho xe đi bên trái.**
- d) Các loại xe 2, 3 bánh phải nhường đường cho xe ô tô.

Câu 48: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.210 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.210

- a) Biển báo “Rào chắn sửa đường”.
- b) Biển báo “Cấm đi lại”.
- c) Biển báo “Nơi họp chợ cấm vào”.
- d) Biển báo “Giao nhau với đường sắt có rào chắn”.**

Câu 49: *Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ khi thấy có phương tiện đường sắt đang đi tới thì phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu bao nhiêu mét?*

a) Người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất.

b) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 4 mét.

c) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 3 mét.

d) Phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 2 mét tính từ ray gần nhất.

Câu 50: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.412f dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.412f

a) Biển báo “Làn đường dành cho ô tô con”.

b) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô con”.

c) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô”.

d) Biển báo “Làn đường dành cho xe ô tô”.

Câu 51: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.131c dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.131c

a) Biển báo “Cấm dừng xe vào những ngày chẵn”.

b) Biển báo “Cấm đỗ xe vào những ngày chẵn”.

c) Biển báo “Cấm đỗ xe vào những tháng chẵn”.

d) Biển báo “Cấm đi cắt qua đường sắt”.

Câu 52: *Giấy phép lái xe hạng A1 được cấp cho người lái xe mô tô loại nào?*

a) Dung tích xi – lanh dưới 50 cm³.

b) Dung tích xi – lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³.

c) Dung tích xi – lanh từ 175 cm³ trở lên.

d) Xe mô tô 3 bánh.

Câu 53: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.107a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.107a

a) Biển báo “Cấm xe ô tô buýt”.

b) Biển báo “Cấm xe ô tô khách”.

c) Biển báo “Cấm xe ô tô điện bánh hơi”.

d) Biển báo “Cấm xe ô tô khách tay lái bên phải”.

Câu 54: *Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng lưu thông trong hầm đường bộ có phải bật đèn không?*

a) Không phải bật đèn.

b) Phải bật đèn.

c) Chỉ bật đèn khi trời tối.

d) Chỉ bật đèn khi trong hầm không có đèn chiếu sáng.

Câu 55: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.103b dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.103b

a) Biển báo “Xe ô tô con chỉ được rẽ phải”.

b) Biển báo “Xe ô tô chỉ được rẽ phải”.

c) Biển báo “Cấm xe ô tô rẽ phải”.

d) Biển báo “Phía trước có xe ô tô đi tới”.

Câu 56: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.101 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.101

- a) Biển báo “Cấm xe ô tô”.
- b) Biển báo “Cấm đi ngược chiều”.
- c) **Biển báo “Đường cấm”.**
- d) Biển báo “Dừng lại”.

Câu 57: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.301f dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.301f

- a) **Biển báo “Các xe chỉ được đi thẳng và rẽ phải”.**
- b) Biển báo “Cấm đi thẳng và rẽ phải”.
- c) Biển báo “Chỗ quay xe về bên phải”.
- d) Biển báo “Phía trước và bên phải nguy hiểm”.

Câu 58: *Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy trong trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu; áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc trẻ em dưới 14 tuổi thì được chở theo tối đa mấy người?*

- a) Được chở theo tối đa 1 người.
- b) **Được chở theo tối đa 2 người.**
- c) Được chở theo tối đa 3 người.
- d) Được chở theo tối đa 4 người.

Câu 59: *Người tham gia giao thông đường bộ bằng xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách khi nào?*

- a) Khi đi trên các tuyến đường trong thành phố, thị xã, thị trấn.

b) Khi tham gia giao thông trên tất cả các tuyến đường.

c) Khi đi trên các tuyến đường quốc lộ.

d) Khi gặp Cảnh sát giao thông.

Câu 60: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.107 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.107

a) Biển báo “Cấm xe ô tô buýt và xe ô tô tải”.

b) Biển báo “Cấm xe ô tô khách và xe ô tô tải”.

c) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô khách và xe ô tô tải”.

d) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô điện bánh hơi và xe ô tô tải”.

Câu 61: *Trẻ em từ mấy tuổi khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện nếu không đội mũ bảo hiểm hoặc đội nhưng không cài quai thì người điều khiển xe bị xử phạt?*

a) Từ 5 tuổi trở lên.

b) Từ 6 tuổi trở lên.

c) Từ 7 tuổi trở lên.

d) Từ 8 tuổi trở lên.

Câu 62: *Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy trên đường có được sử dụng thiết bị âm thanh không?*

a) Được sử dụng.

b) Được sử dụng khi dừng xe chờ đèn xanh.

c) Không được sử dụng khi đi trong thành phố.

d) Không được sử dụng.

Câu 63: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.301a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.301a

- a) Biển báo “Cấm đi thẳng”.
- b) Biển báo “Các xe chỉ được đi thẳng”.**
- c) Biển báo “Đường một chiều”.
- d) Biển báo “Phía trước là đường ưu tiên”.

Câu 64: *Người ngồi trên xe đạp điện khi tham gia giao thông có phải đội mũ bảo hiểm không?*

- a) Không phải đội mũ bảo hiểm.
- b) Phải đội và cài quai đúng quy cách khi đi trên quốc lộ.
- c) Phải đội và cài quai đúng quy cách.**
- d) Chỉ phải đội khi đi trong thành phố có nhiều xe cộ.

Câu 65: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.305 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.305

- a) Biển báo “Đường người đi bộ qua đường”.
- b) Biển báo “Cấm người đi bộ”.
- c) Biển báo “Đường dành cho người đi bộ”.**
- d) Biển báo “Phố chợ đêm”.

Câu 66: *Người không hành nghề lái xe, khi điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi thì phải có giấy phép lái xe hạng nào?*

- a) Hạng A3.
- b) Hạng A4.
- c) Hạng B1.**

d) Hạng B2.

Câu 67: *Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi nào?*

a) Bất kỳ chỗ nào.

b) Nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

c) Chỗ dải phân cách xây thấp để bước qua dễ dàng.

d) Chỗ đường giao nhau.

Câu 68: *Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải qua đường như thế nào cho an toàn?*

a) Khẩn trương đi nhanh qua đường.

b) Chờ khi đông người đi cùng qua đường cho an toàn.

c) Quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

d) Ra hiệu cho các xe dừng lại, rồi qua đường.

Câu 69: *Trên những đoạn đường có dải phân cách, người đi bộ khi qua đường có được vượt qua dải phân cách không?*

a) Quan sát không có xe đi tới, nhanh chóng vượt qua dải phân cách để qua.

b) Chỉ được qua ở nơi có khe hở giữa hai đoạn nối phân cách để đi.

c) Chỉ được qua ở nơi dải phân cách có gờ xây thấp và có trồng cỏ để đi cho dễ dàng.

d) Không được vượt qua dải phân cách.

Câu 70: *Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi như thế nào để đảm bảo an toàn?*

a) Đi sát mép đường và bảo đảm vệ sinh trên đường; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

b) Những nơi không có lề đường được dẫn dắt súc vật đi chung đường dành cho xe cơ giới.

c) Dẫn dắt súc vật lên vỉa hè và để chúng tự đi theo lối mòn đã quen.

d) Không được dẫn dắt súc vật đi trên đường giao thông.

Câu 71: *Người hành nghề lái xe, khi điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi thì phải có giấy phép lái xe hạng nào?*

- a) Hạng A4.
- b) Hạng B1.
- c) Hạng B2.**
- d) Hạng C.

Câu 72: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.107b dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.107b

- a) Biển báo “Cấm xe ô tô tải”.
- b) Biển báo “Cấm xe ô tô tải trên 3,5 tấn”.
- c) Biển báo “Đường dành riêng cho xe ô tô tải”.
- d) Biển báo “Cấm xe ô tô taxi”.**

Câu 73: *Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông phải có trách nhiệm gì sau đây?*

- a) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn và bảo vệ hiện trường.**
- b) Không có trách nhiệm nên không được vào hiện trường vì làm xáo trộn dấu vết.
- c) Không có trách nhiệm nên nhanh chóng rời khỏi hiện trường.
- d) Tranh thủ tìm kiếm, cất giấu tài sản rơi vãi kéo người khác họ lấy mất.

Câu 74: *Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa), đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô chở người trên 30 chỗ (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải trên 3,5 tấn được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?*

- a) 60 km/h.
- b) 70 km/h.
- c) 80 km/h.**
- d) 90 km/h.

Câu 75: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.303 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.303

- a) Biển báo “Qua nơi có nước xoáy”.
- b) Biển báo “Chú ý có miệng cống thoát nước”.
- c) Biển báo “Qua nơi hay có lốc xoáy”.
- d) Biển báo “Nơi giao nhau chạy theo vòng xuyên”.**

Câu 76: *Người lái xe ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kg trở lên phải có giấy phép lái xe hạng nào?*

- a) Hạng A4.
- b) Hạng B1.
- c) Hạng B2.
- d) Hạng C.**

Câu 77: *Những thiết bị nào sau đây thuộc công trình đường bộ?*

- a) Đèn tín hiệu giao thông; biển báo hiệu; vạch kẻ đường.**
- b) Hệ thống thông tin liên lạc.
- c) Đèn chiếu sáng.
- d) Trạm sửa xe.

Câu 78: *Khi có xe xin vượt, người điều khiển phương tiện phía trước phải làm gì?*

- a) Tăng tốc độ xe.
- b) Đi xe sát về phía bên trái.
- c) Gây trở ngại đối với xe xin vượt.
- d) Khi có xe xin vượt, nếu đủ điều kiện an toàn, người điều khiển phương tiện phía trước phải giảm tốc độ, đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.**

Câu 79: *Trong đô thị thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau, trường hợp nào xe ô tô chở khách được bấm còi xin đường?*

- a) Bấm còi xin đường khi có ùn tắc giao thông.
- b) Chở người bệnh đến bệnh viện.
- c) Xin vượt xe khác.
- d) Không được bấm còi.**

Câu 80: Những xe nào sau đây được cải tạo thành xe ô tô chở khách?

- a) Xe ô tô tải nhẹ.
- b) Xe ô tô tải nặng.
- c) Xe bán tải.
- d) Không được cải tạo các xe ô tô khác thành xe ô tô chở khách.**

Câu 81: Người lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi phải có giấy phép lái xe hạng nào?

- a) Hạng B1.
- b) Hạng B2.
- c) Hạng C.
- d) Hạng D.**

Câu 82: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.105 dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.105

- a) Biển báo “Cấm xe ô tô con và mô tô”.
- b) Biển báo “Cấm xe ô tô con và xe gắn máy”.
- c) Biển báo “Cấm xe ô tô và xe máy”.**
- d) Biển báo “Cấm xe ô tô và xe gắn máy”.

Câu 83: Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau như thế nào?

- a) Tăng tốc độ xe.
- b) Cho xe đi về bên trái theo chiều xe chạy của mình.
- c) Tăng tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.

d) Người điều khiển phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.

Câu 84: *Người đủ 16 tuổi trở lên được điều khiển loại xe nào dưới đây?*

- a) Xe mô tô ba bánh.
- b) Xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.
- c) Xe gắn máy có dung tích xi lanh dưới 50 cm³.**
- d) Xe ô tô tải đến 1 tấn.

Câu 85: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.116 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.116

- a) Biển báo “Cầu yếu”.
- b) Biển báo “Hạn chế tải trọng trên các bánh xe”.
- c) Biển báo “Cấm xe chở hàng hóa từ 7 tấn”.
- d) Biển báo “Hạn chế tải trọng trên trục xe”.**

Câu 86: *Khi người điều khiển giao thông tay giơ thẳng đứng là báo hiệu gì cho người tham gia giao thông?*

- a) Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông dừng lại.
- b) Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại.
- c) Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại.
- d) Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng phải dừng lại.**

Câu 87: *Người đủ tuổi nào trở lên được lái xe mô tô 2 - 3 bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên?*

- a) Đủ 16 tuổi trở lên.
- b) Đủ 17 tuổi trở lên.
- c) Đủ 18 tuổi trở lên.**

d) Đủ 19 tuổi trở lên.

Câu 88: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.202b dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.202b

- a) Biển báo “Đường đèo, dốc nguy hiểm”.
- b) Biển báo “Chỗ ngoặt nguy hiểm”.
- c) Biển báo “Bên núi, bên vực sâu”.
- d) Biển báo “Nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp”.**

Câu 89: *Người đủ tuổi nào trở lên dưới đây được lái xe hạng C kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc (FC)?*

- a) Đủ 22 tuổi trở lên.
- b) Đủ 23 tuổi trở lên.
- c) Đủ 24 tuổi trở lên.**
- d) Đủ 25 tuổi trở lên.

Câu 90: *Người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi phải có giấy phép lái xe hạng nào?*

- a) Hạng B2.
- b) Hạng C.
- c) Hạng D.
- d) Hạng E.**

Câu 91: *Khi xuống phà, mọi người phải xuống xe, trừ những ai được ngồi trên xe?*

- a) Người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, người bệnh, người già yếu và người khuyết tật.**
- b) Mọi người phải xuống xe, trừ lái xe.
- c) Người lái xe, người bệnh, người già yếu, người khuyết tật và phụ nữ có thai.
- d) Người lái xe, người bệnh, người già yếu, người khuyết tật, phụ nữ có thai và trẻ em.

Câu 92: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.412b dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.412b

- a) **Biển báo “Làn đường dành cho xe ô tô con”.**
- b) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô con”.
- c) Biển báo “Làn đường dành cho xe ô tô”.
- d) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô”.

Câu 93: *Khi xuống phà, thứ tự người và phương tiện tham gia giao thông nào được xuống trước?*

- a) **Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe thô sơ, người đi bộ.**
- b) Xe thô sơ, người đi bộ, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.
- c) Người đi bộ, xe cơ giới, xe thô sơ, xe máy chuyên dùng.
- d) Xe máy chuyên dùng, người đi bộ, xe thô sơ, xe cơ giới.

Câu 94: *Khi phương tiện tham gia giao thông đường bộ bị hư hỏng tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, người điều khiển phương tiện phải đặt báo hiệu trên đường sắt cách tối thiểu bao nhiêu mét về hai phía để báo cho người điều khiển phương tiện đường sắt biết?*

- a) Tối thiểu 200 mét.
- b) Tối thiểu 300 mét.
- c) Tối thiểu 400 mét.
- d) **Tối thiểu 500 mét.**

Câu 95: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.121 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.121

- a) Biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe đi trong thành phố”.
- b) Biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe đi trên cầu”.
- c) Biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe”.**
- d) Biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe khi gặp ùn tắc”.

Câu 96: Trong khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 40 km/h.
- b) 50 km/h.
- c) 60 km/h.**
- d) 80 km/h.

Câu 97: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô chở người trên 30 chỗ (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải trên 3,5 tấn được chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 60 km/h.
- b) 70 km/h.**
- c) 80 km/h.
- d) 90 km/h.

Câu 98: Người đủ tuổi nào trở lên được lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi?

- a) Đủ 22 tuổi trở lên.
- b) Đủ 23 tuổi trở lên.
- c) Đủ 24 tuổi trở lên.**
- d) Đủ 25 tuổi trở lên.

Câu 99: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.412e dưới đây là biển báo gì?



Biển số R.412e

- a) Biển báo “Làn đường dành cho xe ô tô khách”.
- b) Biển báo “Làn đường dành cho xe cứu thương”.
- c) Biển báo “Làn đường dành cho xe chở khách đi sân bay”.
- d) Biển báo “Làn đường dành cho xe buýt”.**

Câu 100: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô buýt; ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; ô tô chuyên dùng được chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) Tối đa 50 km/h.
- b) Tối đa 60 km/h.
- c) Tối đa 70 km/h.**
- d) Tối đa 80 km/h.

Câu 101: Các phương tiện tham gia giao thông có được phép vượt khi xe được ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ?

- a) Được phép vượt bên tay trái.
- b) Được phép vượt bên tay phải.
- c) Không được phép vượt xe.**
- d) Được phép vượt ở những nơi có khoảng trống.

Câu 102: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.201c dưới đây là biển báo gì?



Biển số W.201c

- a) Biển báo "Chỗ ngoặt nguy hiểm có nguy cơ lật xe bên phải khi đường cong vòng sang trái".**
- b) Biển báo “Chỗ ngoặt nguy hiểm có nguy cơ lật xe về bên trái”.
- c) Biển báo “Đường dốc ôm cua về bên phải”.
- d) Biển báo “Đường dốc ôm cua về bên trái”.

Câu 103: Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt chỉ có đèn tín hiệu hoặc chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu đỏ đã bật sáng hoặc có tiếng chuông báo

hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải thực hiện như thế nào để bảo đảm an toàn?

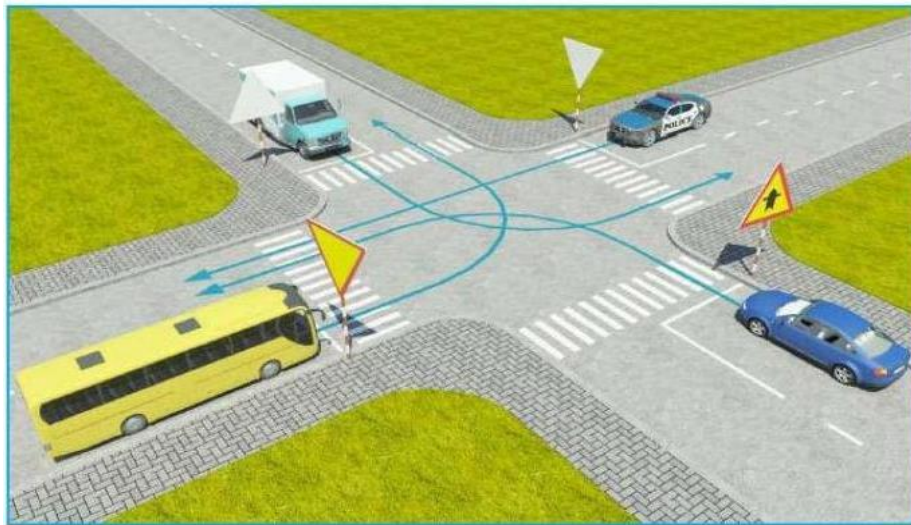
a) Nhanh chóng đi qua đoạn đường sắt.

b) Người tham gia giao thông đường bộ phải dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất và khi đèn tín hiệu đã tắt hoặc tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

c) Dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 4 mét.

d) Dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 3 mét.

Câu 104: Theo sa hình dưới đây, thứ tự các xe đi như thế nào là đúng quy tắc giao thông?



a) Xe công an, xe khách, xe con, xe tải.

b) Xe công an, xe con, xe khách, xe tải.

c) Xe công an, xe tải, xe khách, xe con.

d) Xe công an, xe con, xe tải, xe khách.

Câu 105: Trường hợp đường phố hẹp, phải dừng xe, đỗ xe ở vị trí cách xe ô tô đang đỗ bên kia đường tối thiểu là bao nhiêu mét?

a) Tối thiểu là 30 mét.

b) Tối thiểu là 25 mét.

c) Tối thiểu là 20 mét.

d) Tối thiểu là 15 mét.

Câu 106: Khi điều khiển phương tiện trên đường gặp biển báo hiệu giao thông số P.124a “Cấm quay đầu xe” dưới đây, bạn có được phép cho xe rẽ trái không?



Biển số P.124a

- a) Các loại xe không được rẽ trái.
- b) Được phép cho các loại xe rẽ trái.**
- c) Xe ô tô tải không được rẽ trái.
- d) Xe ô tô khách không được rẽ trái.

Câu 107: Thời gian làm việc của người lái xe ô tô không được quá mấy giờ trong một ngày?

- a) 6 giờ.
- b) 8 giờ.
- c) 10 giờ.**
- d) 12 giờ.

Câu 108: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.306 dưới đây là biển báo gì?



Biển số R.306

- a) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép”.**
- b) Biển báo “Hạn chế tốc độ tối đa”.
- c) Biển báo “Tốc độ tối thiểu cho phép về ban đêm”.
- d) Biển báo “Khoảng cách đến đường cao tốc”.

Câu 109: Cá nhân, pháp nhân được phép đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ không?

- a) Được phép đặt biển quảng cáo sát vỉa hè.
- b) Đặt biển quảng cáo gọn gàng, không làm cản trở người đi bộ.
- c) Không được thực hiện đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ.**
- d) Được phép đặt biển quảng cáo tại các giao lộ.

Câu 110: Ngoài khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe mô tô được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 50 km/h.
- b) 60 km/h.**
- c) 70 km/h.
- d) 80 km/h.

Câu 111: Người đủ tuổi nào trở lên được lái xe ô tô tải hạng D kéo rơ moóc (FD)?

- a) Đủ 25 tuổi trở lên.
- b) Đủ 26 tuổi trở lên.
- c) Đủ 27 tuổi trở lên.**
- d) Đủ 28 tuổi trở lên.

Câu 112: Theo sa hình dưới đây, thứ tự các xe đi như thế nào là đúng quy tắc giao thông?



- a) Xe công an, xe quân sự, xe con, xe mô tô.
- b) Xe công an, xe quân sự, xe mô tô, xe con.
- c) Xe quân sự, xe công an, xe con và xe mô tô.**
- d) Xe quân sự, xe con, xe công an, xe mô tô.

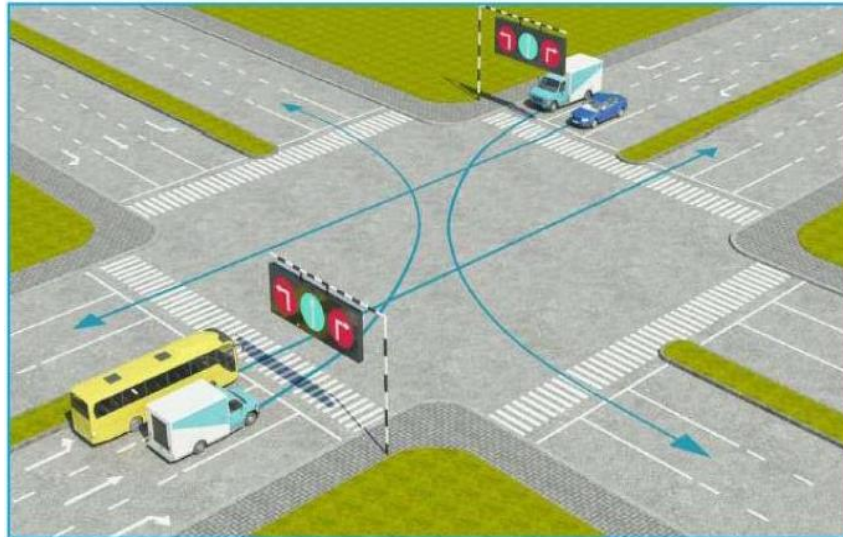
Câu 113: Xe mô tô của các hội viên Hội mô tô thể dục, thể thao có phải là phương tiện được quyền ưu tiên không?

- a) Là phương tiện được quyền ưu tiên.
- b) Chỉ ưu tiên khi đang dẫn các đoàn đua xe đạp, chạy thể thao.

c) Được ưu tiên nhưng phải chạy sau xe cảnh sát.

d) Là phương tiện không được quyền ưu tiên.

Câu 114: Theo báo hiệu trên sa hình dưới đây, các xe đi theo hướng mũi tên, xe nào vi phạm quy tắc giao thông?



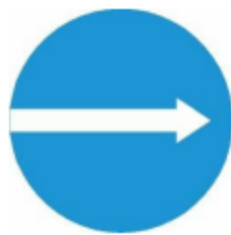
a) Xe khách.

b) Hai xe tải.

c) Xe tải, xe con.

d) Xe khách, hai xe tải.

Câu 115: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.301b dưới đây là biển báo gì?



Biển số R.301b

a) Biển báo “Cấm rẽ phải”.

b) **Biển báo "Các xe chỉ được rẽ phải".**

c) Biển báo “Lối vào cơ quan”.

d) Biển báo “Hướng vào đường cao tốc”.

Câu 116: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.108a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.108a

- a) **Biển báo “Cấm xe sơ-mi-rơ-moóc”.**
- b) Biển báo “Hạn chế chiều dài xe ô tô tải”.
- c) Biển báo “Cấm xe kéo rơ moóc”.
- d) Biển báo “Cấm xe siêu trường, siêu trọng”.

Câu 117: *Người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông thì bị áp dụng hình thức xử phạt nào dưới đây?*

- a) **Phạt cảnh cáo.**
- b) Phạt tiền.
- c) Cha mẹ nộp tiền phạt thay.
- d) Không xử phạt.

Câu 118: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.403a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.403a

- a) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô con”.
- b) **Biển báo “Đường dành cho ô tô”.**
- c) Biển báo “Nơi đỗ xe ô tô”.
- d) Biển báo “Nơi đỗ xe trên hè phố”.

Câu 119: *Người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông, tùy theo từng hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tiền ở mức nào sau đây?*

- a) Phạt tiền với mức như người thành niên.
- b) Phạt tiền với mức tối thiểu của khung tiền phạt.
- c) Phạt tiền với mức không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên.**
- d) Không phạt tiền, chỉ áp dụng hình thức phạt cảnh cáo.

Câu 120: Quy định tuổi tối đa đối với nữ lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi là bao nhiêu?

- a) 45 tuổi.
- b) 50 tuổi.**
- c) 55 tuổi.
- d) 60 tuổi.

Câu 121: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.403c dưới đây là biển báo gì?



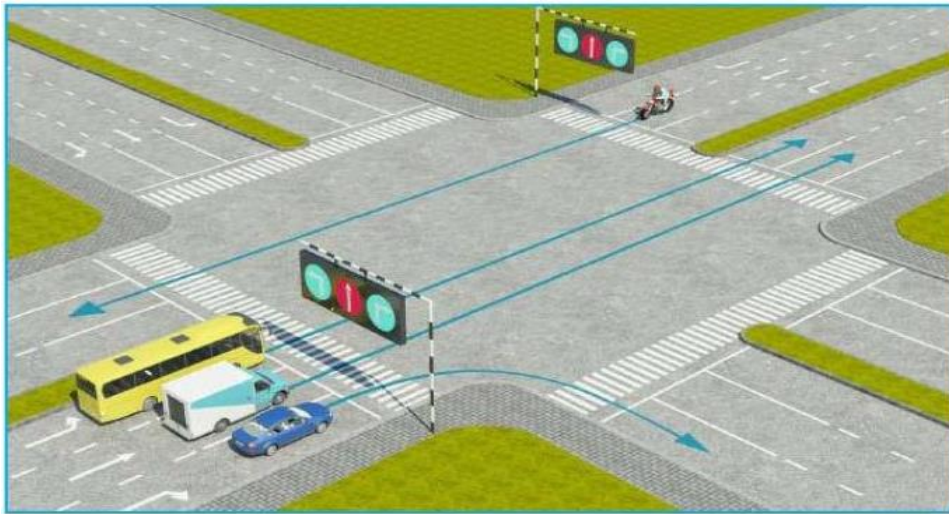
Biển số R.403c

- a) Biển báo “Đường dành cho xe buýt”.**
- b) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô khách”.
- c) Biển báo “Đường dành cho xe chở học sinh”.
- d) Biển báo “Đường dành cho xe chở công nhân”.

Câu 122: Phương tiện nào dưới đây khi đi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông, không bắt buộc thực hiện chở người bị nạn đi cấp cứu?

- a) Không có liên quan nên không được dừng xe, vì gây ùn tắc giao thông.
- b) Chỉ xe cứu thương mới phải chở người bị nạn đi cấp cứu.
- c) Chỉ xe cứu hộ, cứu nạn mới phải chở người bị nạn đi cấp cứu.
- d) Các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự không bắt buộc thực hiện chở người bị nạn đi cấp cứu.**

Câu 123: Theo báo hiệu trên sa hình dưới đây, các xe đi theo hướng mũi tên, những xe nào vi phạm quy tắc giao thông?



- a) Xe khách, xe tải.
- b) Xe khách, xe tải, xe mô tô.**
- c) Xe tải, xe mô tô.
- d) Xe khách, xe tải, xe con.

Câu 124: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.219 dưới đây là biển báo gì?



Biển số W.219

- a) Biển báo “Dốc lên nguy hiểm”.
- b) Biển báo “Đường nghiêng về bên phải”.
- c) Biển báo “Dốc xuống nguy hiểm”.**
- d) Biển báo “Vách đá”.

Câu 125: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép (biển hạn chế tốc độ), xe ô tô đầu kéo sơ mi rơ moóc được chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 50 km/h.
- b) 60 km/h.**

c) 70 km/h.

đ) 80 km/h.

Câu 126: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.224 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số W.224

a) **Biển báo “Đường người đi bộ cắt ngang”.**

b) Biển báo “Đường dành cho người chạy bộ”.

c) Biển báo “Đường dành cho người đi bộ”.

d) Biển báo “Trẻ em”.

Câu 127: *Cơ quan quản lý nhà nước nào có quyền cho phép đặt biển quảng cáo trên hành lang an toàn đường bộ?*

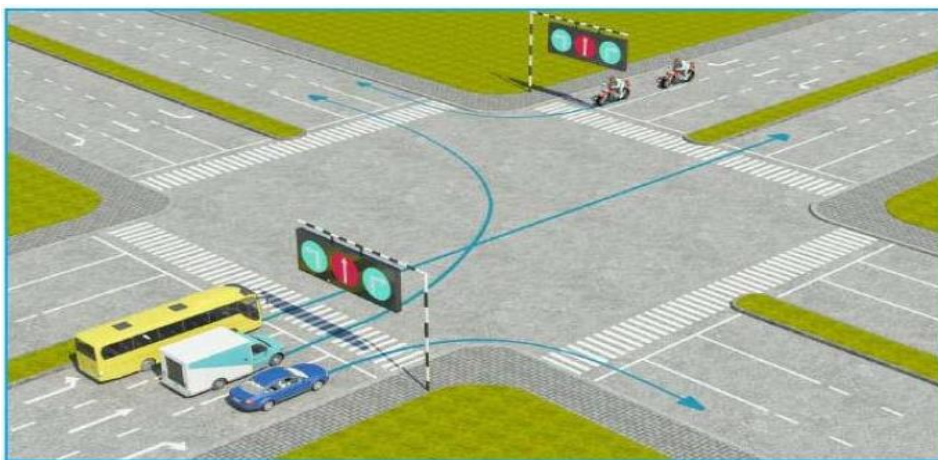
a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) UBND cấp huyện.

c) **Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.**

d) Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh.

Câu 128: *Theo báo hiệu trên sa hình dưới đây, các xe đi theo hướng mũi tên, những xe nào vi phạm quy tắc giao thông?*



a) **Xe khách, xe tải.**

b) Xe khách, xe mô tô.

c) Xe tải xe, mô tô.

d) Xe con, xe tải.

Câu 129: Luật Giao thông đường bộ nghiêm cấm người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định nào sau đây?

a) Có nồng độ cồn.

b) Vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

c) Vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

d) Đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Câu 130: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.403d dưới đây là biển báo gì?



Biển số R.403d

a) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô”.

b) Biển báo “Nơi đỗ xe”.

c) Biển báo “Làn đường dành cho ô tô con”.

d) Biển báo “Đường dành cho ô tô con”.

Câu 131: Trong các trường hợp nào sau đây, người lái xe được vượt xe khác?

a) Xe bị vượt bất ngờ tăng tốc độ.

b) Xe bị vượt giảm tốc độ và nhường đường.

c) Phát hiện có xe đi ngược chiều.

d) Phía trước có chướng ngại vật.

Câu 132: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số W.247 dưới đây là biển báo gì?



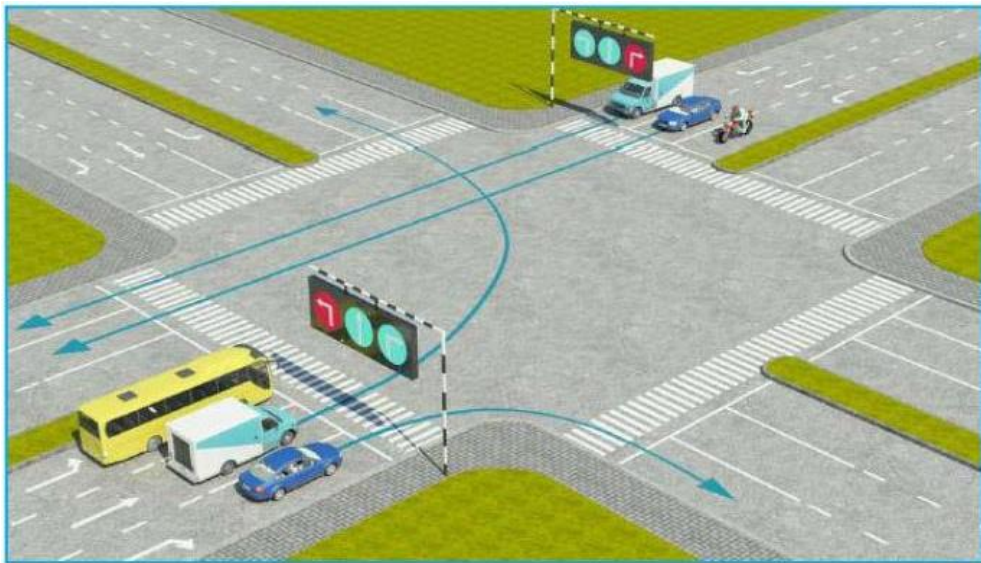
Biển số W.247

- a) Biển báo “Chú ý xe đổ”.
- b) Biển báo “Giao nhau với đường ưu tiên”.
- c) Biển báo “Nguy hiểm khác”.
- d) Biển báo “Hộp chợ”.

Câu 133: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường đôi (có dải phân cách giữa); đường một chiều có từ 2 làn xe cơ giới trở lên, nơi không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô con được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 60 km/h.
- b) 80 km/h.
- c) **90 km/h.**
- d) 100/km/h.

Câu 134: Theo báo hiệu trên sa hình dưới đây, các xe đi theo hướng mũi tên, xe nào vi phạm quy tắc giao thông?



- a) Xe khách.
- b) Xe mô tô.
- c) Xe con, xe mô tô.
- d) **Hai xe tải.**

Câu 135: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.124c dưới đây là biển báo gì?



Biển số P.124c

- a) Biển báo “Chỉ được rẽ trái và quay đầu xe”.
- b) Biển báo “Cấm rẽ trái và quay đầu xe”.**
- c) Biển báo “Phía trước và bên phải cấm lưu thông”.
- d) Biển báo “Phía trước và bên phải là vực sâu”.

Câu 136: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.403e dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.403e

- a) Biển báo “Đường dành cho xe máy”.**
- b) Biển báo “Đường dành cho xe Cảnh sát”.
- c) Biển báo “Hướng đi của xe máy”.
- d) Biển báo “Làn đường dành cho xe máy”.

Câu 137: *Khi người điều khiển giao thông đưa hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía nào phải dừng lại?*

- a) Để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại.**
- b) Ở phía bên phải và bên trái người điều khiển giao thông phải dừng lại.
- c) Ở phía trước người điều khiển giao thông phải dừng lại.
- d) Ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại.

Câu 138: *Khi điều khiển phương tiện trên đường gặp biển báo hiệu giao thông số P.123a “Cấm rẽ trái” dưới đây, bạn có được phép cho xe quay đầu không?*



Biển số P.123a

- a) **Được phép cho xe quay đầu.**
- b) Không được phép quay đầu xe.
- c) Xe sơ-mi-rơ-móc không được quay đầu.
- d) Các loại xe chuyên dùng không được quay đầu.

Câu 139: Ở ngoài khu vực đông dân cư, trên đường hai chiều không có dải phân cách giữa, đường một chiều có 1 làn xe cơ giới và không có biển báo tốc độ tối đa cho phép, xe ô tô chở người đến 30 chỗ (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải đến 3,5 tấn được phép chạy tối đa bao nhiêu km/h?

- a) 60 km/h.
- b) 70 km/h.
- c) **80 km/h.**
- d) 90 km/h.

Câu 140: Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.404a dưới đây là biển báo gì?



Biển số R.404a

- a) Biển báo “Cấm xe ô tô”.
- b) **Biển báo “Hết đoạn đường dành cho xe ô tô”.**
- c) Biển báo “Hết đoạn đường dành cho xe ô tô con”.
- d) Biển báo “Cấm lùi xe”.

Câu 141: Khi người điều khiển phương tiện đến gần vạch dừng ở giao lộ, gặp đèn tín hiệu màu vàng thì phải thực hiện thế nào?

- a) Không phải dừng lại.

- b) Tăng tốc độ để qua giao lộ trước khi đèn chuyển sang màu đỏ.
- c) Dừng lại chờ tín hiệu đèn màu xanh mới được đi.**
- d) Giảm tốc độ, từ từ qua giao lộ.

Câu 142: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.115 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.115

- a) Biển báo “Hạn chế tải trọng toàn bộ xe”.**
- b) Biển báo “Cấm xe chở hàng hóa từ 10 tấn”.
- c) Biển báo “Tải trọng tối đa của cầu”.
- d) Biển báo “Hạn chế tải trọng trên trục bánh xe”.

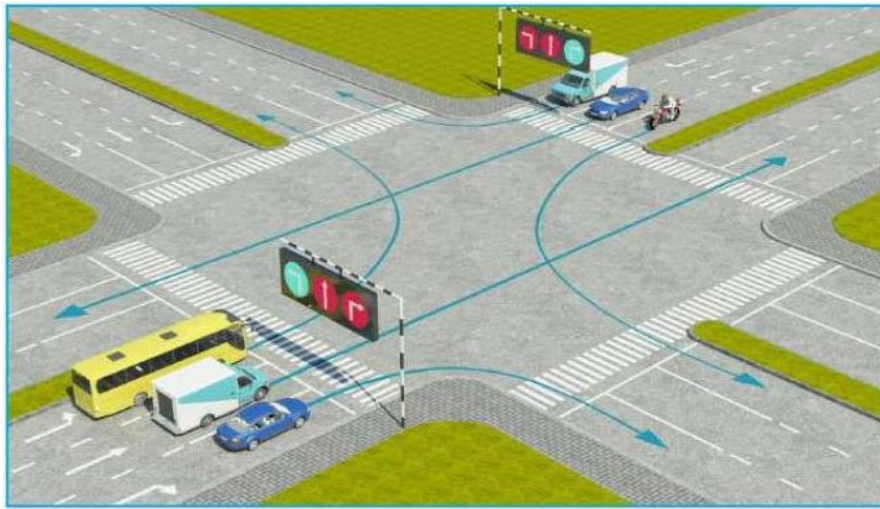
Câu 143: *Trẻ em dưới mấy tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dẫn dắt?*

- a) Dưới 5 tuổi.
- b) Dưới 6 tuổi.
- c) Dưới 7 tuổi.**
- d) Dưới 8 tuổi.

Câu 144: *Người đang điều khiển xe đạp mà sử dụng điện thoại di động có bị xử phạt không?*

- a) Không bị xử phạt.
- b) Có bị xử phạt.**
- c) Chỉ bị xử phạt khi đi trong thành phố.
- d) Chỉ bị xử phạt khi kết hợp với các lỗi vi phạm khác.

Câu 145: *Theo báo hiệu trên sa hình dưới đây, các xe đi theo hướng mũi tên, xe nào vi phạm quy tắc giao thông?*

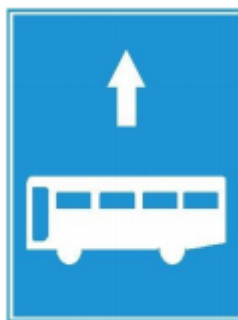


- a) Xe khách.
- b) Xe mô tô.
- c) Hai xe tải, hai xe con.**
- d) Không có xe nào vi phạm.

Câu 146: *Người đủ tuổi nào trở lên được lái xe ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; lái xe hạng B2 kéo rơ moóc (FB2)?*

- a) Đủ 18 tuổi trở lên.
- b) Đủ 19 tuổi trở lên.
- c) Đủ 20 tuổi trở lên.
- d) Đủ 21 tuổi trở lên.**

Câu 147: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số R.412a dưới đây là biển báo gì?*



Biển số R.412a

- a) Biển báo “Đường dành cho xe ô tô khách”.
- b) Biển báo “Đường dành cho xe buýt”.
- c) Biển báo “Làn đường dành cho xe buýt”.
- d) Biển báo “Làn đường dành cho xe ô tô khách”.**

Câu 148: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.118 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.118

- a) Biển báo “Hạn chế chiều ngang cầu”.
- b) Biển báo “Hạn chế chiều ngang xe”.**
- c) Biển báo “Khoảng cách tối thiểu giữa hai xe khi ùn tắc”.
- d) Biển báo “Hạn chế chiều ngang phà”.

Câu 149: *Hãy cho biết biển báo hiệu giao thông số P.128 dưới đây là biển báo gì?*



Biển số P.128

- a) Biển báo "Được sử dụng còi".
- b) Biển báo “Hạn chế sử dụng còi trong khu vực đô thị”.
- c) Biển báo “Cấm sử dụng còi”.**
- d) Biển báo “Hạn chế sử dụng còi từ 22 giờ đến 5 giờ”.

Câu 150: *Thời gian làm việc của người lái xe ô tô không được quá mấy giờ liên tục?*

- a) 4 giờ liên tục.**
- b) 6 giờ liên tục.
- c) 8 giờ liên tục.
- d) 10 giờ liên tục.

BỘ CÂU HỎI PHÁP LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM

Câu 1: *Luật An toàn thực phẩm năm 2010 có bao nhiêu chương, bao nhiêu điều?*

- a) 10 chương, 71 điều.
- b) 11 chương, 72 điều.**
- c) 12 chương, 80 điều.
- d) 11 chương, 70 điều.

Câu 2: *An toàn thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm được hiểu như thế nào?*

- a) Là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.**
- b) Là việc bảo đảm thực phẩm an toàn, tốt cho sức khỏe.
- c) Là việc bảo đảm thực phẩm đủ dinh dưỡng.
- d) Là việc bảo đảm thực phẩm không gây hại cho sức khỏe.

Câu 3: *Thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm là gì?*

- a) Là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm.**
- b) Là sản phẩm mà con người chế biến để ăn, uống.
- c) Là sản phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm.
- d) Là sản phẩm đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản.

Câu 4: *Hoạt động nào sau đây là không phải là sản xuất thực phẩm?*

- a) Là việc thực hiện các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái để tạo ra thực phẩm.
- b) Là việc thực hiện các hoạt động đánh bắt, khai thác để tạo ra thực phẩm.
- c) Là việc thực hiện các hoạt động sơ chế, chế biến, bao gói và bảo quản để tạo ra thực phẩm.
- d) Là việc thực hiện các hoạt động dịch vụ bảo quản, vận chuyển thực phẩm.**

Câu 5: *Hoạt động nào sau đây không phải là kinh doanh thực phẩm?*

- a) Là việc thực hiện các hoạt động giới thiệu thực phẩm.

b) Là việc thực hiện các hoạt động đánh bắt, khai thác để tạo ra thực phẩm.

c) Là việc thực hiện các hoạt động buôn bán thực phẩm.

d) Là việc thực hiện các hoạt động dịch vụ bảo quản, vận chuyển thực phẩm.

Câu 6: Trường hợp nào sau đây không phải là quyền của người tiêu dùng thực phẩm?

a) Được cung cấp thông tin trung thực về an toàn thực phẩm, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, lựa chọn, sử dụng thực phẩm phù hợp; được cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn, cách phòng ngừa khi nhận được thông tin cảnh báo đối với thực phẩm.

b) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

c) Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do sử dụng thực phẩm không an toàn gây ra.

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm hợp tác trong việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Câu 7: Nội dung nào sau đây không phải là điều kiện mà Cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống phải bảo đảm?

a) Bảo đảm các điều kiện về đất canh tác, nguồn nước, địa điểm sản xuất để sản xuất thực phẩm an toàn.

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng giống cây trồng, giống vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, chất tăng trọng, chất phát dục, chất bảo quản thực phẩm và các chất khác có liên quan đến an toàn thực phẩm.

c) Tuân thủ quy định về kiểm dịch, vệ sinh thú y trong giết mổ động vật; về kiểm dịch thực vật đối với sản phẩm trồng trọt.

d) Tuân thủ các quy định về đăng ký công bố sản phẩm.

Câu 8: Hành vi nào sau đây không bị cấm trong việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm?

a) Vi phạm về ghi nhãn thực phẩm.

b) Quảng cáo thực phẩm sai sự thật.

c) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm biến chất.

d) Mở rộng quy mô sản xuất.

Câu 9: Trường hợp nào sau đây không phải là hình thức xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn?

a) Khắc phục lỗi của sản phẩm, lỗi ghi nhãn.

b) Chuyển mục đích sử dụng.

c) Tái xuất hoặc tiêu hủy.

d) Đăng ký công bố sản phẩm.

Câu 10: Luật An toàn thực phẩm quy định có bao nhiêu điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống?

a) 02 điều kiện.

b) 03 điều kiện.

c) 04 điều kiện.

d) 05 điều kiện.

Câu 11: Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là gì?

a) Là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Là cơ sở sơ chế thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản để tạo ra thực phẩm.

d) Là những cơ sở không có giấy phép kinh doanh.

Câu 12: Thực phẩm dinh dưỡng y học là gì?

a) Là những thực phẩm được chế biến hoặc được phối trộn theo công thức đặc biệt nhằm đáp ứng các yêu cầu về chế độ ăn đặc thù theo thể trạng hoặc theo tình trạng bệnh lý và các rối loạn cụ thể của người sử dụng.

b) Là loại thực phẩm có thể ăn bằng đường miệng hoặc bằng ống xông, được chỉ định để điều chỉnh chế độ ăn của người bệnh và chỉ được sử dụng dưới sự giám sát của nhân viên y tế.

c) Là những sản phẩm được dùng để bổ sung thêm vào chế độ ăn uống hàng ngày nhằm duy trì, tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh.

d) Là loại thực phẩm được bổ sung vi chất dinh dưỡng.

Câu 13: Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm cho nhân dân trên địa bàn?

a) Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Hội đồng nhân dân các cấp.

c) Ngành thông tin và truyền thông.

d) Ngành tư pháp.

Câu 14: Khẳng định nào sau đây là sai về sử dụng chất tẩy rửa và sát trùng trong sản xuất và chế biến thực phẩm?

a) Các chất dùng để tẩy rửa và sát trùng dụng cụ chứa đựng thực phẩm phải được đựng trong bao bì dễ nhận biết và có hướng dẫn sử dụng phù hợp với đặc điểm kỹ thuật.

b) Các chất tẩy rửa phải để cách biệt với nơi sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm.

c) Chỉ sử dụng chất tẩy rửa dụng cụ chứa đựng thực phẩm và chất tẩy trùng được Bộ Y tế cho phép.

d) Việc sử dụng chất tẩy rửa và sát trùng là tùy thuộc vào doanh nghiệp, Bộ Y tế không quy định về chất tẩy rửa dụng cụ chứa đựng thực phẩm và chất tẩy trùng.

Câu 15: Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là gì?

a) Là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Là cơ sở sơ chế thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Là cơ sở kinh doanh thực phẩm do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Là cơ sở kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín cơ động trên đường phố (không có địa điểm cố định).

Câu 16: Thực hiện việc kiểm tra phòng chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm là trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ nào?

a) Bộ Y tế.

b) Bộ Công Thương.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Bộ Tư pháp.

Câu 17: Theo quy định, ai sẽ làm nhiệm vụ Trưởng ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm cấp tỉnh?

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Giám đốc Sở Y tế.

c) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Câu 18: *Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của bộ, ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, Bộ nào chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận?*

a) **Bộ Y tế.**

b) Bộ Công Thương.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

d) Bộ Tư pháp.

Câu 19: *Các phương thức kiểm tra thực phẩm nhập khẩu, bao gồm những phương thức nào sau đây?*

a) Kiểm tra giảm, kiểm tra chặt, kiểm tra gắt.

b) Kiểm tra giảm, kiểm tra thường, kiểm tra gắt.

c) **Kiểm tra giảm, kiểm tra thông thường, kiểm tra chặt.**

d) Kiểm tra giảm và kiểm tra gắt.

Câu 20: *Đối với thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ và trả kết quả trong vòng bao nhiêu ngày?*

a) 7 ngày.

b) **10 ngày.**

c) 15 ngày.

d) 21 ngày.

Câu 21: *Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới khi tiến hành làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm thì nộp hồ sơ cho cơ quan nào?*

a) **Bộ Y tế.**

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

c) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

d) Bộ Công Thương.

Câu 22: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm?

a) Bảo đảm an toàn thực phẩm là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm là hoạt động có điều kiện; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải chịu trách nhiệm về an toàn đối với thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh.

c) Bảo đảm an toàn thực phẩm chỉ là trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước.

d) Quản lý an toàn thực phẩm phải trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng.

Câu 23: Thực phẩm dinh dưỡng y học là loại thực phẩm có thể ăn bằng đường miệng hoặc bằng ống xông, được chỉ định để điều chỉnh chế độ ăn của đối tượng nào sau đây?

a) Trẻ em.

b) Người già.

c) Người bệnh.

d) Phụ nữ.

Câu 24: Quyền được tự công bố các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật là quyền của ai?

a) Nhà nước.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm.

c) Người tiêu dùng.

d) Bộ Y tế.

Câu 25: Nội dung nào sau đây không phải là điều kiện mà cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đảm bảo về bảo quản thực phẩm?

a) Nơi bảo quản và phương tiện bảo quản phải có diện tích đủ rộng để bảo quản từng loại thực phẩm riêng biệt, có thể thực hiện kỹ thuật xếp dỡ an toàn và chính xác, bảo đảm vệ sinh trong quá trình bảo quản.

b) Ngăn ngừa được ảnh hưởng của nhiệt độ, độ ẩm, côn trùng, động vật, bụi bẩn, mùi lạ và các tác động xấu của môi trường; bảo đảm đủ ánh sáng; có thiết bị chuyên dụng điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm và các điều kiện khí hậu khác, thiết bị thông gió và các điều kiện bảo quản đặc biệt khác theo yêu cầu của từng loại thực phẩm.

c) Nơi tập kết, xử lý chất thải phải nằm trong khu vực sản xuất thực phẩm.

d) Tuân thủ các quy định về bảo quản của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Câu 26: Cơ sở sản xuất sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi phải thực hiện nội dung nào sau đây?

- a) Công bố hợp quy.
- b) Công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
- c) Tự công bố.
- d) Đăng ký bản công bố sản phẩm.**

Câu 27: Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu không áp dụng phương thức kiểm tra giảm đối với lô hàng, mặt hàng nhập khẩu trong trường hợp nào sau đây?

a) Đã có 03 lần liên tiếp trong vòng 12 tháng đạt yêu cầu nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường.

b) Lô hàng, mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu tại lần kiểm tra trước đó.

c) Được sản xuất trong các cơ sở áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tương đương.

d) Đã được xác nhận đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước đã ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm mà Việt Nam là thành viên; có kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu đối với lô hàng, mặt hàng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Câu 28: Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu áp dụng phương thức kiểm tra chặt đối với lô hàng, mặt hàng nhập khẩu trong trường hợp nào sau đây?

a) Đã được xác nhận đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước đã ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm mà Việt Nam là thành viên; có kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu đối với lô hàng, mặt hàng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Được sản xuất trong các cơ sở áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tương đương.

c) Có cảnh báo của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc của nhà sản xuất.

d) Đã có 03 lần liên tiếp trong vòng 12 tháng đạt yêu cầu nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường.

Câu 29: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) có hiệu lực trong thời hạn bao nhiêu năm?

- a) **03 năm.**
- b) 04 năm.
- c) 05 năm
- d) 06 năm.

Câu 30: Cơ quan nào chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối?

- a) Bộ Y tế.
- b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- c) **Bộ Công Thương.**
- d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 31: Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm đặc thù?

- a) Bộ Y tế.
- b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- c) Bộ Công Thương.
- d) **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

Câu 32: Thực phẩm biến đổi gen là nhóm sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào?

- a) Bộ Y tế.
- b) **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**
- c) Bộ Công Thương.
- d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 33: Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm là nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào?

- a) **Bộ Y tế.**
- b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- c) Bộ Công Thương.
- d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 34: Cơ quan nào sau đây không có chức năng quy định điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng, danh mục cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng đủ điều kiện hoạt động?

- a) Bộ trưởng Bộ Y tế.
- b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- c) Bộ trưởng Bộ Công Thương.
- d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

Câu 35: Nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm phải được đóng gói và bảo quản ở vị trí cách nền tối thiểu là bao nhiêu?

- a) 20 cm.**
- b) 30 cm.
- c) 40 cm.
- d) 50 cm.

Câu 36: Phụ gia thực phẩm theo Luật An toàn thực phẩm được hiểu là gì?

a) Là chất được chủ định đưa vào thực phẩm trong quá trình sản xuất, có hoặc không có giá trị dinh dưỡng, nhằm giữ hoặc cải thiện đặc tính của thực phẩm.

- b) Là chất dùng để chế biến thực phẩm.
- c) Là chất bổ sung giá trị dinh dưỡng cho thực phẩm.
- d) Là chất để bảo quản thực phẩm.

Câu 37: Luật An toàn thực phẩm quy định người tiêu dùng thực phẩm có bao nhiêu nghĩa vụ?

- a) 02 nghĩa vụ.
- b) 03 nghĩa vụ.**
- c) 04 nghĩa vụ.
- d) 05 nghĩa vụ.

Câu 38: Trường hợp nào sau đây, thực phẩm không phải thu hồi?

- a) Thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.**
- b) Thực phẩm không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- c) Thực phẩm là sản phẩm công nghệ mới chưa được phép lưu hành.
- d) Thực phẩm bị hư hỏng trong quá trình bảo quản, vận chuyển, kinh doanh.

Câu 39: Chủ cơ sở kinh doanh suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn có được sử dụng heo chết do bệnh, dịch để sử dụng làm nguyên liệu chế biến thức ăn không?

- a) **Không.**
- b) Có.
- c) Chỉ được dùng để chế biến thực phẩm phải nấu chín trước khi ăn.
- d) Chỉ được dùng để chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

Câu 40: Cơ quan nào sau đây không có chức năng kiểm tra về an toàn thực phẩm?

- a) Phòng Y tế cấp huyện.
- b) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.
- c) Chi cục Quản lý thị trường.
- d) **Trung tâm Y tế dự phòng cấp tỉnh.**

Câu 41: Trước khi tiến hành kiểm tra, cơ quan kiểm tra phải thông báo trước cho cơ sở được kiểm tra (trừ cơ sở không thuộc diện đăng ký kinh doanh và người kinh doanh thức ăn đường phố) chậm nhất là bao nhiêu ngày?

- a) **01 ngày**
- b) 02 ngày.
- c) 03 ngày.
- d) 04 ngày.

Câu 42: Hành vi nào sau đây không bị cấm?

- a) Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng cho thực phẩm để chế biến thực phẩm.
- b) Sử dụng nguyên liệu thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không bảo đảm an toàn để sản xuất, chế biến thực phẩm.
- c) Sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- d) **Sử dụng nguyên liệu thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo an toàn để sản xuất, chế biến thực phẩm.**

Câu 43: Trường hợp nào sau đây không phải là nguyên tắc trong hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm?

- a) Khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử.

b) Bảo vệ bí mật thông tin, tài liệu, kết quả kiểm tra liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức.

c) Không được sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

d) Tuân thủ nội quy của tổ chức là đối tượng bị kiểm tra trong mọi trường hợp và hoàn cảnh.

Câu 44: *Phương thức tiêu hủy sản phẩm (xử lý sau thu hồi sản phẩm) được áp dụng trong những trường hợp nào sau đây?*

a) Vi phạm chất lượng, lỗi ghi nhãn so với hồ sơ công bố nhưng không ảnh hưởng tới sức khỏe của người tiêu dùng.

b) Vi phạm chất lượng có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng nhưng có thể sử dụng vào lĩnh vực khác.

c) Sản phẩm thực phẩm nhập khẩu không phù hợp với hồ sơ công bố gây ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng, chủ sản phẩm đề nghị phương thức tái xuất.

d) Sản phẩm không phù hợp với hồ sơ công bố, gây ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng, không thể khắc phục lỗi, hoặc chuyển mục đích sử dụng hoặc tái xuất.

Câu 45: *Cơ quan có thẩm quyền nào có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa phương?*

a) Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Ngành Y tế.

c) Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Ngành Công Thương.

Câu 46: *Công đoạn nào cần phải kiểm soát an toàn thực phẩm?*

a) Trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

b) Sơ chế, chế biến.

c) Kinh doanh.

d) Trồng trọt.

Câu 47: *Nội dung nào sau đây là một trong những điều kiện mà tổ chức, cá nhân vận chuyển thực phẩm phải bảo đảm?*

a) Phương tiện vận chuyển thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu không làm ô nhiễm thực phẩm hoặc bao gói thực phẩm, dễ làm sạch.

b) Bảo đảm các điều kiện về đất canh tác, nguồn nước, địa điểm sản xuất để sản xuất thực phẩm an toàn.

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng giống cây trồng, giống vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, chất tăng trọng, chất phát dục, chất bảo quản thực phẩm và các chất khác có liên quan đến an toàn thực phẩm.

d) Có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm.

Câu 48: Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nếu không đảm bảo an toàn có làm cho thực phẩm bị ô nhiễm không?

a) Có.

b) Chỉ ô nhiễm với sản phẩm đông lạnh.

c) Chỉ ô nhiễm với sản phẩm đã nấu chín.

d) Không ảnh hưởng.

Câu 49: Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, có 02 hình thức công bố sản phẩm, đó là 02 hình thức nào sau đây?

a) Tự công bố và công bố hợp quy.

b) Công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

c) Tự công bố và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

d) Tự công bố và đăng ký bản công bố sản phẩm .

Câu 50: Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) 6-1:2010/BYT quy định về?

a) Nước khoáng thiên nhiên đóng chai và nước uống đóng chai.

b) Bánh kẹo.

c) Nước đá dùng liền.

d) Thực phẩm chức năng.

Câu 51: Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không phải đáp ứng yêu cầu nào sau đây?

a) Có đủ diện tích để bố trí các khu vực bày bán thực phẩm, khu vực chứa đựng, bảo quản và thuận tiện để vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm.

b) Thiết kế các khu vực kinh doanh thực phẩm, vệ sinh, thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ phải tách biệt, phù hợp với yêu cầu thực phẩm kinh doanh.

c) Có đủ dụng cụ thu gom chất thải, rác thải; dụng cụ làm bằng vật liệu ít bị hư hỏng, bảo đảm kín, có nắp đậy và được vệ sinh thường xuyên.

d) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Câu 52: Theo nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm thì sản xuất, kinh doanh thực phẩm là?

- a) Là hoạt động sản xuất, kinh doanh tự do, không điều kiện.
- b) Là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện.**
- c) Là hoạt động thực hiện theo nhu cầu của nhà sản xuất.
- d) Là hoạt động thực hiện theo nhu cầu của khách hàng.

Câu 53: Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP)?

- a) Bộ Y tế.**
- b) Sở Y tế.
- c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Câu 54: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm không bị thu hồi trong trường hợp nào sau đây?

- a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký.
- b) Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ.
- c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.
- d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm của người trực tiếp chế biến thực phẩm khi không thực hiện xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.**

Câu 55: Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm không có quyền nào sau đây?

- a) Quyền được công bố các chỉ tiêu về an toàn sản phẩm đối với sản phẩm do mình cung cấp theo quy định của pháp luật.
- b) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.
- c) Từ chối cung cấp các thông tin về lô sản phẩm không bảo đảm chất lượng lưu thông trên thị trường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.**
- d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm hợp tác trong việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Câu 56: Chọn câu trả lời đúng nhất về mối nguy gây ô nhiễm thực phẩm?

- a) Chỉ có mối nguy về sinh học mới có thể gây ô nhiễm thực phẩm.
- b) Chỉ có mối nguy về hoá học mới có thể gây ô nhiễm thực phẩm.

c) Chỉ có mối nguy về vật lý mới có thể gây ô nhiễm thực phẩm.

d) Tất cả các mối nguy về sinh học, vật lý, hóa học đều có thể gây ô nhiễm thực phẩm.

Câu 57: *Mối nguy về sinh học bao gồm?*

a) Ký sinh trùng, vi khuẩn, vi rút.

b) Ký sinh trùng, vi khuẩn, kim loại nặng.

c) Ký sinh trùng, vi rút, kim loại nặng.

d) Các chất phụ gia thực phẩm.

Câu 58: *Cơ quan y tế nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ sức khoẻ cho người tham gia chế biến thực phẩm?*

a) Cơ sở y tế cấp huyện trở lên.

b) Chỉ cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên.

c) Chỉ cơ sở y tế cấp Trung ương.

d) Bất kỳ cơ sở y tế nào.

Câu 59: *Nhóm sản phẩm nào sau đây không phải thực hiện tự công bố sản phẩm?*

a) Rượu, bia, nước giải khát.

b) Bánh, kẹo.

c) Thực phẩm tươi sống.

d) Nước mắm, nước tương, tương ớt.

Câu 60: *Cơ quan nào có trách nhiệm quy định cụ thể việc khai báo sự cố về an toàn thực phẩm?*

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Bộ Công Thương.

c) Bộ Y tế.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 61: *Việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn được thực hiện trong trường hợp nào?*

a) Chỉ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

b) Chỉ khi phát hiện thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh không bảo đảm an toàn.

c) Khi có khiếu nại của người tiêu dùng.

d) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc khi phát hiện thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh không bảo đảm an toàn.

Câu 62: Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp là bao nhiêu năm?

a) 03 năm.

b) 05 năm.

c) 10 năm.

d) 15 năm.

Câu 63: Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép bán buôn rượu, Giấy phép bán lẻ rượu, Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ là bao nhiêu năm?

a) 03 năm.

b) 05 năm.

c) 10 năm.

d) 15 năm

Câu 64: Thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

a) 2 năm.

b) 3 năm.

c) 4 năm.

d) 5 năm.

Câu 65: Cơ sở nào thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

a) Bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm.

b) Sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

c) Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

d) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.

Câu 66: Doanh nghiệp A sản xuất sản phẩm Vitamin tổng hợp. Để nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm, Doanh nghiệp A phải nộp hồ sơ đến cơ quan nào?

a) Bộ Y tế.

b) Bộ Công Thương.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Câu 67: Trong quá trình làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong thời gian bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm?

- a) 10 ngày.
- b) 15 ngày.**
- c) 30 ngày.
- d) 45 ngày.

Câu 68: QCVN 8-2 :2011/BYT là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về?

- a) Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.**
- b) Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- c) Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- d) Giới hạn ô nhiễm hoá học trong thực phẩm.

Câu 69: Thực phẩm nào sau đây trong quá trình đăng ký nội dung quảng cáo tổ chức, cá nhân phải có khuyến cáo bằng câu “Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh”?

- a) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.**
- b) Nước uống đóng chai.
- c) Nước mắm.
- d) Thực phẩm dinh dưỡng y học.

Câu 70: Trong trường hợp nào cơ quan chức năng không được kiểm tra đột xuất về an toàn thực phẩm?

- a) Khi có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm.
- b) Khi có ngộ độc thực phẩm.
- c) Khi có thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân.
- d) Khi doanh nghiệp hoạt động sản xuất bình thường.**

Câu 71: Bộ, ngành nào chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm đối với sản phẩm rượu vang nhập khẩu?

- a) Bộ Y tế.
- b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- c) Tổng cục Hải Quan.

d) Bộ Công Thương.

Câu 72: Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền huyện, quận, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh quản lý cơ sở kinh doanh (CSKD) dịch vụ ăn uống nào?

a) CSKD dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh từ 50-200 suất ăn/lần phục vụ.

b) CSKD dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh trên 200 suất ăn/lần phục vụ.

c) CSKD dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh dưới 50 suất ăn/lần phục vụ.

d) CSKD dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh dưới 150 suất ăn/lần phục vụ.

Câu 73: Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, người phụ trách chuyên môn cần những điều kiện nào?

a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành y, dược, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, công nghệ thực phẩm và phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

b) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các chuyên ngành y, dược, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, công nghệ thực phẩm và phải có ít nhất 04 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

c) Tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành y, dược, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, công nghệ thực phẩm và phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

d) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành y, dược, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, công nghệ thực phẩm và phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

Câu 74: Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống nào?

a) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh từ 50-200 suất ăn/lần phục vụ.

b) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh trên 200 suất ăn/lần phục vụ.

c) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh 50-100 suất ăn/lần phục vụ.

d) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh dưới 50 suất ăn/lần phục vụ.

Câu 75: Phân loại theo mục đích sử dụng, pháp luật hiện hành quy định có bao nhiêu nhóm phụ gia thực phẩm?

a) 25 Nhóm.

- b) 24 Nhóm.
- c) 23 Nhóm.
- d) 22 Nhóm.

Câu 76: Nội dung nào sau đây không phải là điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm tươi sống?

a) Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

b) Bảo đảm truy xuất được nguồn gốc theo quy định tại Điều 54 của Luật An toàn thực phẩm.

c) Có chứng nhận vệ sinh thú y của cơ quan thú y có thẩm quyền đối với thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ động vật theo quy định của pháp luật về thú y.

d) Đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường.

Câu 77: Chất được đưa vào thực phẩm nhằm thực hiện mục đích công nghệ nhất định là chất gì?

a) Phụ gia thực phẩm.

b) Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

c) Phẩm màu.

d) Chất bảo quản.

Câu 78: Sản phẩm nào sau đây thuộc diện phải thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm?

a) Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới.

b) Nước đá dùng liền.

c) Phụ gia đơn chất thuộc danh mục được phép sử dụng của Bộ Y tế.

d) Nước mắm.

Câu 79: Sản phẩm do hai hay nhiều tổ chức, cá nhân cùng sản xuất tại Việt Nam thì nhãn sản phẩm phải ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện công đoạn nào?

a) Nhãn sản phẩm phải ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện sản phẩm trước khi đưa vào lưu thông.

b) Nhãn sản phẩm phải ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện công đoạn đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm.

c) Nhãn sản phẩm phải ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện công đoạn đầu tiên và tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện công đoạn cuối cùng trong quá trình tạo ra sản phẩm.

d) Nhãn sản phẩm phải ghi tên, địa chỉ của tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện trong quá trình tạo ra sản phẩm.

Câu 80: Sản phẩm, hàng hóa nào sau đây thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương?

a) Dầu ô liu.

b) Hạt tiêu.

c) Đường.

d) Nước xốt.

Câu 81: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm không bao gồm nội dung nào sau đây?

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

d) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Câu 82: Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm là bao nhiêu?

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức.

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng với tổ chức.

c) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối với cá nhân và 150.000.000 đồng với tổ chức.

d) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng đối với cá nhân và 300.000.000 đồng với tổ chức.

Câu 83: Khẳng định nào sau đây là sai về ghi nhãn hàng hóa trên sản phẩm?

a) Việc ghi nhãn hoặc gắn trên nhãn các loại hình ảnh, hình vẽ, biểu trưng phải trung thực và không được gây hiểu nhầm, lừa dối hoặc tạo ra ấn tượng không đúng về bản chất đặc tính, công dụng của sản phẩm.

b) Không được ghi những lời lẽ, ký hiệu, họa tiết đề cập đến hay gợi ý trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản phẩm khác, làm cho người tiêu dùng hiểu nhầm là sản phẩm khác.

c) Những thông tin bắt buộc ghi trên nhãn sản phẩm thì chiều cao chữ không được thấp hơn 1,2 mm. Đối với trường hợp một mặt của bao gói dùng để ghi nhãn (không tính phần biên giáp mí) nhỏ hơn 80 cm² thì chiều cao chữ không được thấp hơn 0,9 mm. Màu của chữ phải tương phản với màu nền của nhãn.

d) Nhãn sản phẩm nhập khẩu không cần phải có nhãn phụ.

Câu 84: *Yêu cầu về nguồn nước sử dụng để vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ và vệ sinh cơ sở thực phẩm phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật nào sau đây?*

a) QCVN số 01:2009/BYT.

b) QCVN số 02:2009/BYT.

c) QCVN số 6-1:2010/BYT.

d) QCVN số 6-3:2010/BYT.

Câu 85: *Để được cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có điều kiện nào sau đây?*

a) Có bằng đại học, cao đẳng.

b) Bắt buộc phải tham gia lớp tập huấn về kiến thức an toàn thực phẩm.

c) Tham gia kiểm tra kiến thức an toàn thực phẩm do cơ quan chức năng có thẩm quyền tổ chức và đạt yêu cầu.

d) Phải có kinh nghiệm từ 1 năm trở lên.

Câu 86: *Chức danh nào sau đây không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm?*

a) Trưởng phòng Y tế cấp huyện.

b) Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Chánh thanh tra Sở Y tế.

d) Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

Câu 87: *Khẳng định nào sau đây là sai về chất tẩy rửa và sát trùng trong bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm?*

a) Chỉ sử dụng các hóa chất tẩy rửa, sát trùng theo quy định của Bộ Y tế.

b) Phải được đựng trong bao bì dễ nhận biết.

c) Phải để trong nơi sản xuất thực phẩm.

d) Phải có hướng dẫn sử dụng.

Câu 88: Trong Quy chuẩn QCVN 6-1: 2010/BYT của Bộ Y tế về nước khoáng thiên nhiên đóng chai và nước uống đóng chai. Các chỉ tiêu về vi sinh được phân theo chỉ tiêu loại nào?

- a) **Chỉ tiêu loại A.**
- b) Chỉ tiêu loại B.
- c) Chỉ tiêu loại A và B.
- d) Chỉ tiêu loại C.

Câu 89: Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất nước uống đóng chai phải thực hiện khám sức khỏe bao nhiêu lần trong 1 năm?

- a) Chỉ thực hiện khi Bộ Y tế công bố có dịch.
- b) Định kỳ ít nhất 2 lần/năm.
- c) **Định kỳ ít nhất 1 lần/năm.**
- d) Chỉ thực hiện theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Câu 90: Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm có giá trị trong thời hạn bao nhiêu năm?

- a) 01 năm.
- b) 02 năm.
- c) **03 năm.**
- d) 05 năm.

Câu 91: Tác nhân gây ô nhiễm là gì?

- a) **Là yếu tố không mong muốn, không được chủ động cho thêm vào thực phẩm, có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến an toàn thực phẩm.**
- b) Là yếu tố mà người chế biến không chủ động cho vào trong chế biến thực phẩm.
- c) Là yếu tố do vi sinh vật bên ngoài tác động, con người không mong muốn.
- d) Là yếu tố không mong muốn, không được chủ động cho thêm vào thực phẩm.

Câu 92: Khẳng định nào sau đây là đúng về Hàn the (**Borac**)?

- a) **Là chất bị cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến thực phẩm.**
- b) Là chất được sử dụng trong sản xuất sản phẩm giò chả.
- c) Là chất được sử dụng trong sản xuất sản phẩm bánh phở.
- d) Là chất được sử dụng trong sản xuất sản phẩm nem chua.

Câu 93: Khẳng định nào sau đây là không đúng về phụ gia thực phẩm Natri benzoate?

- a) Là phụ gia thực phẩm dùng làm chất bảo quản.
- b) Được cho vào thực phẩm với hàm lượng tùy ý.**
- c) Được sử dụng trong sản xuất nước mắm.
- d) Nằm trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm của Bộ Y tế;

Câu 94: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm không cần thực hiện việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn trong trường hợp nào sau đây?

- a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
- b) Khi phát hiện thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh có chỉ tiêu về vi sinh vật không đạt theo quy định.
- c) Khi phát hiện thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh có chỉ tiêu về lý hoá không đạt yêu cầu theo quy định.
- d) Khi phát hiện thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh chưa đăng ký quy cách bao gói sản phẩm.**

Câu 95: Chức năng của phụ gia thực phẩm Ponceau 4R?

- a) Phẩm màu.**
- b) Chất bảo quản.
- c) Chất chống oxi hóa.
- d) Chất xử lý bột.

Câu 96: Khi tổ chức, cá nhân làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm (kể cả sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm được sản xuất trong nước), theo quy định trong thành phần hồ sơ phải có phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trong thời hạn bao lâu?

- a) 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- b) 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- c) 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.**
- d) 24 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Câu 97: Khẳng định nào sau đây không đúng về việc ghi nhãn hàng hóa là thực phẩm?

a) Thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn có thành phần nguyên liệu biến đổi gen nhưng không phát hiện được gen hoặc sản phẩm của gen bị biến đổi trong thực phẩm được miễn ghi nhãn hàng hóa.

b) Thực phẩm biến đổi gen tươi sống, thực phẩm biến đổi gen chế biến không bao gói và bán trực tiếp cho người tiêu dùng được miễn ghi nhãn hàng hóa.

c) Thực phẩm chức năng không phải ghi nhãn hàng hóa.

d) Thực phẩm biến đổi gen sử dụng trong trường hợp khẩn cấp nhằm khắc phục thiên tai, dịch họa được miễn ghi nhãn hàng hóa.

Câu 98: Khẳng định nào sau đây không đúng về việc cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với loại hình sản xuất thực phẩm chức năng?

a) Giấy chứng nhận chỉ được đổi khi còn thời hạn.

b) Khi thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc và đổi chủ cơ sở.

c) Khi thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và toàn bộ quy trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

d) Khi thay đổi nhãn sản phẩm.

Câu 99: Thời gian bảo quản, vận chuyển suất ăn sẵn, thực phẩm ăn ngay từ khi chế biến xong đến khi ăn không quá bao lâu?

a) 2 giờ.

b) 4 giờ.

c) 8 giờ.

d) 12 giờ.

Câu 100: Trường hợp nào sau đây không được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu?

a) Sản phẩm đã được cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

b) Sản phẩm nhập khẩu dùng cho cá nhân của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

c) Sản phẩm quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển, tạm nhập, tái xuất, gửi kho ngoại quan.

d) Sản phẩm áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng về an toàn thực phẩm.

Câu 101: Trong trường hợp một lô hàng nhập khẩu có nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều bộ thì cơ quan thực hiện kiểm tra nhà nước là cơ quan nào?

- a) Cơ quan được Bộ Y tế giao hoặc chỉ định.
- b) Cơ quan được Bộ Công Thương giao hoặc chỉ định.
- c) Cơ quan được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao hoặc chỉ định.**
- d) Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định.

Câu 102: Theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT, có bao nhiêu chất bảo quản được phép sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm?

- a) 40 chất.
- b) 41 chất.
- c) 43 chất.
- d) 44 chất.**

Câu 103: Doanh nghiệp A sản xuất nước mắm có 10 nhân viên (05 người trực tiếp sản xuất; 05 người không trực tiếp sản xuất), trong đó có 5 nhân viên trực tiếp tham gia sản xuất chế biến không thực hiện khám sức khỏe định kỳ. Với hành vi này Doanh nghiệp A bị xử phạt vi phạm hành chính ở khung xử phạt nào?

- a) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.
- b) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.
- c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.**

Câu 104: Khi ghi thành phần định lượng trên nhãn sản phẩm nước uống đóng chai. Cách ghi nào là đúng?

- a) Ghi theo thể tích thực.**
- b) Ghi theo khối lượng tịnh.
- c) Ghi theo khối lượng bao bì.
- d) Ghi theo thể tích bình chứa.

Câu 105: Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đấu giá nông sản thì do ngành nào quản lý?

- a) Ngành Công thương.**
- b) Ngành Nông nghiệp.

- c) Ngành Y tế.
- d) Ngành Văn hóa.

Câu 106: Cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai?

- a) Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế.
- b) Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở sản xuất.
- d) Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố nơi cơ sở sản xuất.

Câu 107: Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, có quy định về mức phạt tiền giữa tổ chức và cá nhân như thế nào?

- a) Bằng nhau.
- b) Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.**
- c) Cá nhân gấp đôi tổ chức.
- d) Tổ chức gấp 3 lần cá nhân.

Câu 108: Một cơ sở sản xuất bánh mì tại thành phố Biên Hòa có đăng ký hộ kinh doanh tại Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa. Cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở này?

- a) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đồng Nai.
- b) Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai.
- c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.
- d) Phòng Kinh tế thành phố Biên Hòa.**

Câu 109: Khẳng định nào sau đây là đúng về ngôn ngữ ghi trên nhãn sản phẩm?

- a) Sản phẩm được sản xuất trong nước và lưu thông trên thị trường Việt Nam phải ghi bằng tiếng Việt và ghi đầy đủ những nội dung bắt buộc quy định.**
- b) Sản phẩm được sản xuất trong nước và lưu thông trên thị trường Việt Nam phải ghi bằng tiếng Việt và ghi nhãn phụ.
- c) Sản phẩm được sản xuất trong nước và lưu thông trên thị trường Việt Nam phải ghi bằng tiếng Việt và một ngôn ngữ nước ngoài khác.
- d) Sản phẩm được sản xuất trong nước và lưu thông trên thị trường Việt Nam phải ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Câu 110: *Tinh bột gạo là sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào?*

- a) **Bộ Công Thương.**
- b) Bộ Y tế.
- c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 111: *Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm thực hiện tự công bố sản phẩm đối với sản phẩm nào dưới đây?*

- a) **Thực phẩm đã qua chế biến, bao gói sẵn.**
- b) Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới.
- c) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.
- d) Phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định.

Câu 112: *Khi nhận đủ hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Bộ Y tế có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trong thời gian bao lâu?*

- a) 10 ngày làm việc.
- b) 14 ngày làm việc.
- c) 05 ngày làm việc.
- d) **21 ngày làm việc.**

Câu 113: *Cơ sở vẫn phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi đã được cấp giấy chứng nhận nào dưới đây?*

- a) ISO 22000.
- b) **ISO 9001.**
- c) BRC.
- d) HACCP.

Câu 114: *Miễn ghi ngày sản xuất trên nhãn sản phẩm nào dưới đây?*

- a) Phụ gia thực phẩm.
- b) **Dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.**
- c) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
- d) Vi chất dinh dưỡng.

Câu 115: Khẳng định nào sau đây là sai về ghi nhãn đối với hàng hóa là sản phẩm thực phẩm?

a) Đối với thực phẩm chức năng phải ghi cụm từ “thực phẩm chức năng” và không được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào về tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.

b) Đối với nước uống đóng chai phải ghi cụm từ “sản phẩm nước uống đóng chai tinh khiết”.

c) Đối với thực phẩm đã qua chiếu xạ phải ghi cụm từ “thực phẩm đã qua chiếu xạ”.

d) Đối với một số thực phẩm biến đổi gen phải ghi cụm từ “thực phẩm biến đổi gen”.

Câu 116: Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 cơ sở sản xuất trở lên cùng sản xuất một sản phẩm thì tổ chức, cá nhân làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm ở đâu (trừ những sản phẩm đăng ký tại Bộ Y tế)?

a) Tại 01 cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nơi có cơ sở sản xuất sản lượng lớn hơn.

b) Tại 01 cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nơi có cơ sở sản xuất sản lượng nhỏ hơn.

c) Tại 01 cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có cơ sở sản xuất do tổ chức, cá nhân lựa chọn.

d) Tại 02 cơ quan quản lý nhà nước ở mỗi địa phương nơi có 02 cơ sở sản xuất sản xuất sản phẩm.

Câu 117: Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu trong trường hợp Việt Nam chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu thì áp dụng theo quy định nào?

a) Theo thỏa thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Theo quy định của tổ chức nhập khẩu.

c) Theo Quy chuẩn địa phương.

d) Theo quy định của nước xuất khẩu.

Câu 118: Đối với các bao gói nhỏ, có diện tích bề mặt lớn nhất nhỏ hơn 10 cm², nếu có nhãn phụ hoặc bao bì ngoài đã thể hiện đầy đủ các nội dung ghi nhãn bắt buộc thì được miễn ghi nhãn đối với nội dung nào?

a) Thành phần cấu tạo, thời hạn sử dụng, hướng dẫn bảo quản, hướng dẫn sử dụng.

b) Tên sản phẩm, thành phần cấu tạo.

- c) Địa chỉ sản xuất, xuất xứ, hướng dẫn bảo quản, hướng dẫn sử dụng.
- d) Tên sản phẩm.

Câu 119: Trong trường hợp sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố thì cá nhân, tổ chức phải làm gì khi sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo?

- a) Không cần phải làm thủ tục gì, tiếp tục sản xuất như bình thường.
- b) Thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.
- c) Thực hiện việc tự công bố lại sản phẩm.**
- d) Thông báo trên trang thông tin, điện tử của cá nhân tổ chức và tiếp tục thực hiện việc sản xuất như bình thường.

Câu 120: Nhóm sản phẩm thực phẩm nhập khẩu nào sau đây phải có giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc giấy chứng nhận y tế?

- a) Thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm đã qua chiếu xạ.**
- b) Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.
- c) Bánh, kẹo, nước giải khát.
- d) Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên.

Câu 121: Cơ sở sản xuất N dùng Kali benzoat đã quá hạn sử dụng để bảo quản rượu mật ong. Hỏi: Cơ sở N sẽ bị phạt tiền với mức như thế nào?

- a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.**
- c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
- d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Câu 122: Cơ sở nào sau đây thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

- a) Bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm.
- b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.
- c) Nhà hàng trong khách sạn.
- d) Sản xuất cà phê.**

Câu 123: Cơ sở nào sau đây thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

- a) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.
- b) Sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.
- c) Sản xuất xúc xích (một sản phẩm từ thịt).**
- d) Kinh doanh thức ăn đường phố.

Câu 124: Cơ sở sản xuất dầu thực vật có công suất thiết kế từ 50.000 tấn sản phẩm/ năm do cơ quan có thẩm quyền nào cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

- a) Bộ Công Thương.**
- b) Sở Công Thương.
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- d) Phòng Kinh tế cấp huyện.

Câu 125: Gạo là sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào?

- a) Bộ Công Thương.
- b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**
- c) Bộ Y tế.
- d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Câu 126: Cơ quan nào sau đây được chỉ định thực hiện việc kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm?

- a) Bộ Y tế.
- b) Cục An toàn thực phẩm.
- c) Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Đồng Nai.
- d) Viện kiểm nghiệm an toàn thực phẩm Quốc gia.**

Câu 127: Trong trường hợp Ông A có khiếu nại về sản phẩm nước uống đóng chai của Doanh nghiệp tư nhân B không bảo đảm chất lượng. Cơ quan chức năng lấy mẫu kiểm nghiệm, kết quả kiểm nghiệm mẫu nước không đạt theo quy chuẩn QCVN6-1:2010 của Bộ Y tế. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu nước uống đóng chai trong trường hợp này do ai chi trả?

- a) Cơ quan nhà nước.
- b) Đoàn kiểm tra.
- c) Cá nhân, tổ chức khiếu nại, khởi kiện.

d) Doanh nghiệp B.

Câu 128: Trường hợp nào sau đây không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?

- a) Cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng.
- b) Cơ sở sản xuất nước mắm, nước tương.
- c) Cơ sở chế biến suất ăn sẵn.
- d) Cơ sở kinh doanh tạp hóa.**

Câu 129: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất về sử dụng phụ gia trong sản xuất, chế biến thực phẩm?

- a) Chỉ sử dụng phụ gia thực phẩm nằm trong danh mục và giới hạn cho phép của Bộ Y tế.
- b) Chỉ sử dụng phụ gia thực phẩm đúng đối tượng sử dụng.
- c) Chỉ sử dụng phụ gia đáp ứng được yêu cầu quản lý.
- d) Chỉ sử dụng phụ gia nằm trong danh mục và giới hạn cho phép của Bộ Y tế, đúng đối tượng sử dụng, đáp ứng được yêu cầu quản lý.**

Câu 130: Trong quá trình kiểm tra an toàn thực phẩm, đoàn kiểm tra có quyền niêm phong thực phẩm, tạm dừng bán thực phẩm không phù hợp và phải báo cho cơ quan quản lý an toàn thực phẩm trong thời hạn bao lâu?

- a) Báo ngay khi thực hiện việc niêm phong.
- b) 12 giờ kể từ khi niêm phong thực phẩm.
- c) 24 giờ kể từ khi niêm phong thực phẩm.**
- d) 36 giờ kể từ khi niêm phong.

Câu 131: Trong quá trình thanh tra hoặc kiểm tra về an toàn thực phẩm. Thành viên đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm lấy mẫu thực phẩm cần có điều kiện nào sau đây?

- a) Được đào tạo và có chứng chỉ về kỹ thuật lấy mẫu thực phẩm.**
- b) Được đào tạo và có chứng chỉ về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- c) Có trình độ đại học trở lên.
- d) Được đào tạo và có chứng chỉ về nghiệp vụ thanh tra viên.

Câu 132: Trong thời gian bao lâu kể từ khi nhận được đầy đủ và hợp lệ hồ sơ xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập kế hoạch kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân?

- a) Trong thời gian 10 ngày.
- b) Trong thời gian 10 ngày làm việc.**
- c) Trong thời gian 20 ngày làm việc.
- d) Trong thời gian 20 ngày

Câu 133: *Khẳng định nào sau đây là sai về hình thức xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm?*

- a) Một hành vi vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm có thể bị xử lý bằng hình thức cảnh cáo.
- b) Một hành vi vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm có thể bị xử lý bằng hình thức phạt tiền.
- c) Một hành vi vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm có thể bị xử lý hình sự.
- d) Một hành vi vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm có thể bị xử lý bằng cả xử lý vi phạm hành chính và hình sự.**

Câu 134: *Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không bao gồm loại hình nào sau đây?*

- a) Cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín.
- b) Nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn.
- c) Căng-tin và bếp ăn tập thể.
- d) Xe đẩy bán thức ăn đường phố.**

Câu 135: *Khẳng định nào sau đây là sai về cách ghi thành phần cấu tạo trên nhãn sản phẩm hàng hoá?*

- a) Tất cả thành phần cấu tạo phải được ghi trên nhãn sản phẩm, trừ sản phẩm có duy nhất một thành phần cấu tạo.
- b) Thành phần cấu tạo được ghi theo thứ tự giảm dần theo khối lượng hoặc tỷ lệ phần trăm của mỗi thành phần. Phải ghi cụm từ “Thành phần” trước các thành phần được liệt kê.
- c) Thành phần cấu tạo được ghi theo thứ tự tăng dần theo khối lượng hoặc tỷ lệ phần trăm của mỗi thành phần. Phải ghi cụm từ “Thành phần” trước các thành phần được liệt kê.**
- d) Trường hợp thành phần hỗn hợp chiếm dưới 5% khối lượng của sản phẩm cuối cùng thì không phải công bố thành phần hỗn hợp đó trong thành phần cấu tạo, trừ các phụ gia thực phẩm có chức năng công nghệ đối với sản phẩm cuối cùng.

Câu 136: *Sản phẩm nào dưới đây bắt buộc phải ghi thời hạn sử dụng?*

- a) Bánh mì hoặc bánh ngọt được tiêu thụ trong vòng 24 giờ sau khi sản xuất.

- b) Dấm ăn.
- c) Muối dùng cho thực phẩm.
- d) Nước uống đóng chai.**

Câu 137: Một cơ sở sản xuất nước tương, nước chấm, địa chỉ sản xuất tại thành phố Biên Hòa. Cơ sở này có phải thực hiện thủ tục để được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm không?

- a) Không.
- b) Có.**
- c) Chỉ phải thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
- d) Chỉ thực hiện khi cơ sở sản xuất thấy cần thiết.

Câu 138: Ngày 10/5/2018, Đoàn kiểm tra về an toàn thực phẩm của UBND thành phố Biên Hòa kiểm tra một cơ sở sản xuất xúc xích trên địa bàn thành phố Biên Hòa và phát hiện trong kho của cơ sở có chứa 05 tấn thịt heo đông lạnh, chủ cơ sở không cung cấp được các giấy tờ liên quan đến số thịt heo này, chủ cơ sở cũng thừa nhận đã mua 06 tấn thịt heo của một thương lái ở Trảng Bom, đã sử dụng 01 tấn chế biến xúc xích đem bán. Vậy cơ sở sản xuất này đã vi phạm quy định nào về điều kiện đảm bảo an toàn đối với sản phẩm thực phẩm?

a) Sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không có giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định để sản xuất, chế biến thực phẩm.

b) Sử dụng nguyên liệu không bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm.

c) Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng làm thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm.

c) Sử dụng nguyên liệu không đảm bảo để chế biến thực phẩm.

Câu 139: Tiệm bánh của ông B chuyên sản xuất và bán bánh mì, ngày 10/5/2018, bà C đến tiệm bánh của ông B mua 01 chiếc bánh mì ngọt (loại bánh được tiêu thụ trong vòng 24 giờ sau khi sản xuất) bà C nhận thấy trên bao bì của chiếc bánh mì không ghi hạn sử dụng. Bà C đã trả lại chiếc bánh và cho rằng tiệm bánh mì của ông B vi phạm quy định về an toàn thực phẩm. Hỏi: Tiệm bánh của ông B có vi phạm quy định về an toàn thực phẩm trong trường hợp này hay không?

a) Có.

b) Không, vì bánh mì ngọt tiêu thụ trong vòng 24 giờ sau khi sản xuất, không bắt buộc phải ghi hạn sử dụng.

c) Chỉ vi phạm khi bánh mì đã bị hỏng.

d) Chỉ vi phạm khi bánh mì không có bao bì.

Câu 140: *Sơ chế thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm là gì?*

a) Là việc xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm.

b) Là việc xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, khai thác nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm.

c) Là việc xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, khai thác nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm.

d) Là việc xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm.

Câu 141: *Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống là gì?*

a) Là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn, căng-tin và bếp ăn tập thể.

b) Là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm quán ăn, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin và bếp ăn tập thể.

c) Là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin và bếp ăn tập thể.

d) Là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin và bếp ăn tập thể.

Câu 142: *Chọn câu trả lời đúng nhất về định nghĩa ngộ độc thực phẩm?*

a) Ngộ độc thực phẩm là tình trạng bệnh lý do hấp thụ thực phẩm bị ô nhiễm hoặc có chứa chất độc.

b) Ngộ độc thực phẩm là tình trạng rối loạn tiêu hoá do hấp thụ thực phẩm bị ô nhiễm hoặc có chứa chất độc.

c) Ngộ độc thực phẩm là tình trạng cơ thể có các triệu chứng như đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, tiêu chảy do ăn phải thực phẩm bị ô nhiễm.

d) Ngộ độc thực phẩm là tình trạng bệnh lý do hấp thụ thực phẩm bị biến chất.

Câu 143: *Tổ chức, cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm có thể bị phạt tù đến mức tối đa là?*

a) 05 năm.

b) 10 năm.

c) 15 năm.

d) 20 năm.

Câu 144: Gia đình ông A có nuôi 50 con heo lấy thịt. Sáng ngày 3/5/2018, ông A phát hiện 01 con heo bị chết không rõ nguyên nhân, ông A đã bán cho ông B là chủ cửa hàng buôn bán thịt heo. Ông B đã xẻ thịt và bán cho người dân. Hỏi hành vi của ông B có vi phạm quy định về điều kiện đảm bảo an toàn đối với sản phẩm thực phẩm hay không?

- a) Không.
- b) Có.
- c) Chỉ vi phạm khi người mua thịt heo ăn bị ngộ độc.
- d) Chỉ vi phạm khi ông B chế biến thành các sản phẩm từ thịt trước khi bán.

Câu 145: Mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm trong trường hợp áp dụng mức phạt cao nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà vẫn còn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì mức phạt được áp dụng là?

a) Không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm; tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

b) Không quá 05 lần giá trị thực phẩm vi phạm; tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

c) Không quá 03 lần giá trị thực phẩm vi phạm; tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

d) Bằng 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm; tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

Câu 146: Bệnh truyền qua thực phẩm là gì?

a) Là bệnh do ăn, uống thực phẩm bị nhiễm tác nhân gây bệnh.

b) Là bệnh do ăn, uống thực phẩm bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh.

c) Là bệnh do ăn, uống thực phẩm bị nhiễm kim loại nặng.

d) Là bệnh do ăn, uống thực phẩm bị nhiễm hóa chất độc hại.

Câu 147: Gia đình Ông A bán bún mọc ở phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, bà B là hàng xóm của ông A. Bà B phát hiện ông A sử dụng nguyên liệu không đảm bảo vệ sinh để chế biến thực phẩm bán cho khách hàng, thịt heo dùng để làm mọc **để dưới nền nhà**. Bà B đã góp ý với ông A nhưng ông A không thay đổi. Hỏi: Bà B có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền về hành vi của ông A không?

a) Không có nghĩa vụ.

b) Chỉ có nghĩa vụ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

c) Chỉ có nghĩa vụ khi phát sinh ngộ độc thực phẩm do sử dụng thực phẩm của gia đình ông A.

d) Bà B có nghĩa vụ.

Câu 148: Sản phẩm nào sau đây thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương?

a) Cà phê.

b) Chè tươi.

c) Đường mía.

d) Kẹo cà phê.

Câu 149: Sản phẩm nào sau đây thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn?

a) Sữa đặc.

b) Nước uống đóng chai.

c) Hạt đậu nành.

d) Bơ.

Câu 150: Một cơ sở sản xuất mĂNG ở chợ Biên Hòa sử dụng hàn the để ngâm mĂNG chua. Vậy cơ sở này đã có hành vi vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm như thế nào?

a) Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng làm thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm.

b) Sử dụng nguyên liệu không bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm.

c) Sử dụng nguyên liệu thực phẩm có chứa tạp chất được đưa vào không bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm.

d) Sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm ngoài danh mục được phép sử dụng.